



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có hiệu lực kể từ ngày đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 5-7 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản giá dịch vụ, phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.



CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM – NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 97 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09/10/2019)

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/11/2006, Giấy phép Điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK cấp ngày 01/06/2016)

NGÂN HÀNG LƯU KÝ

NGÂN HÀNG CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV) CHI NHÁNH HÀ THÀNH

(Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2016)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại : +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4600

Website : www.vndirect.com.vn

Từ ngày: ... /... /2019

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thị Tuyết

Điện thoại: +84 24 3972 4568

Chức vụ: Chuyên viên Ban Pháp Chế

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/11/2006, Giấy phép Điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK cấp ngày 01/06/2016)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

| | |
|--------------------------------------|---|
| Tên chứng quyền | Chứng quyền.MBB.VND.M.CA.T.2019.01 |
| Mã chứng khoán cơ sở | MBB |
| Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở | Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội |
| Loại chứng quyền | Chứng quyền Mua |
| Kiểu thực hiện | Châu Âu |
| Phương thức thực hiện chứng quyền | Thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng |
| Thời hạn | 03 tháng |
| Ngày phát hành dự kiến | Từ ngày 15/09/2019 đến ngày 30/09/2019 |
| Ngày giao dịch cuối cùng | 02 ngày làm việc trước ngày đáo hạn |
| Ngày đáo hạn | 03 tháng kể từ ngày phát hành nêu trên |
| Tỷ lệ chuyển đổi | 2:1 (2 chứng quyền đổi 1 chứng khoán cơ sở) |
| Giá thực hiện | 17.900 – 26.800 đồng |
| Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán | 1,5 – 3 tỉ đồng |
| Giá chào bán | 1.000 đồng – 2.000 đồng/chứng quyền |
| Tổng số lượng chào bán | 3 triệu chứng quyền |
| Tổng giá trị chào bán | 3 - 6 tỉ đồng |
| Hệ số phòng ngừa rủi ro (delta) | 50% – 100% |
| Độ biến động của chứng khoán cơ sở | 20% - 40% |
| Lãi suất phi rủi ro (risk-free rate) | 4,81% |

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 6288 3568

Fax: +84 24 6288 5678

Website: <https://www2.deloitte.com/vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Không có

MỤC LỤC

| | | |
|-------|--|----|
| I. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 5 |
| 1. | Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền..... | 5 |
| 2. | Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền..... | 6 |
| 3. | Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở..... | 7 |
| 4. | Các rủi ro khác | 7 |
| II. | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 13 |
| 1. | Tổ chức phát hành..... | 13 |
| 2. | Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn..... | 13 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM..... | 14 |
| IV. | CƠ HỘI ĐẦU TƯ | 16 |
| 1. | Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam | 16 |
| 2. | Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư..... | 17 |
| 3. | Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo..... | 19 |
| V. | THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM..... | 20 |
| 1. | Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm..... | 20 |
| 2. | Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành..... | 33 |
| 3. | Tình hình tài chính..... | 40 |
| VI. | CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM..... | 45 |
| 1. | Thông tin chung về chứng quyền..... | 45 |
| 2. | Thông tin về chứng khoán cơ sở..... | 46 |
| 3. | Thời gian phân phối chứng quyền | 50 |
| 4. | Đăng ký mua chứng quyền | 50 |
| 5. | Thực hiện chứng quyền..... | 52 |
| 6. | Quyền của người sở hữu chứng quyền | 52 |
| 7. | Điều chỉnh chứng quyền | 54 |
| 8. | Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền..... | 55 |
| 9. | Hoạt động tạo lập thị trường | 57 |
| VII. | QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM..... | 59 |
| 1. | Quy trình quản trị rủi ro | 59 |
| 2. | Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến | 61 |
| VIII. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN..... | 65 |
| 1. | Ngân hàng lưu ký..... | 65 |
| 2. | Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành..... | 65 |
| 3. | Tổ chức kiểm toán | 65 |

| | | |
|-----|-----------------------|----|
| 4. | Tổ chức tư vấn | 65 |
| IX. | XUNG ĐỘT LỢI ÍCH..... | 66 |
| X. | CAM KẾT | 67 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có đảm bảo, các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có đảm bảo với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có đảm bảo này.

Chứng quyền có đảm bảo là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Chúng tôi không đảm bảo về bất cứ sự nghiên cứu, điều tra nào liên quan tới hoạt động của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền có đảm bảo không nên hiểu sự phát hành chứng quyền có đảm bảo như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền có đảm bảo trên thị trường và các chứng quyền có đảm bảo này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền có đảm bảo.
- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan
- Rủi ro chứng quyền có đảm bảo bị hủy niêm yết: Trong trường hợp tổ chức phát hành bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nh ất, sát nhập, giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, chứng quyền có đảm bảo sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền có đảm bảo bị hủy trước ngày đáo hạn.
- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền có đảm bảo nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền có đảm bảo. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có đảm bảo, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền có đảm bảo mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cần trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức

phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền có đảm bảo.

- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền có đảm bảo khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền có đảm bảo.
- Rủi ro bảo mật thông tin: Tổ chức phát hành cam kết cố gắng hết sức để đảm bảo sự bảo mật của thông tin khách hàng, tuy nhiên Tổ chức phát hành không cam kết có thể cung cấp sự bảo mật hoàn toàn đối với các thông tin này

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

- Rủi ro đầu tư chung: người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của chứng quyền có đảm bảo và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền có đảm bảo là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền có đảm bảo đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có đảm bảo có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.
- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền có đảm bảo: do chứng quyền có đảm bảo có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có đảm bảo có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền có đảm bảo đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền có đảm bảo sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền có đảm bảo. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có đảm bảo.
- Rủi ro về giá: rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có đảm bảo. Sự thay đổi giá của chứng quyền có đảm bảo phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có đảm bảo, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra giá của chứng quyền có đảm bảo còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền có đảm bảo. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền có đảm bảo theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền có đảm bảo thông qua phương thức phát hành bổ sung chứng quyền có đảm bảo miễn là hạn mức phát hành chứng quyền có đảm bảo đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền có đảm bảo.
- Rủi ro từ tính đòn bẩy: đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền có đảm bảo khi có thể nhận được

toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền có đảm bảo trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- Rủi ro thanh khoản: là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền có đảm bảo ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền có đảm bảo đó. Thanh khoản của chứng quyền có đảm bảo phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền có đảm bảo, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền có đảm bảo sẽ sôi động.
- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có đảm bảo không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.
- Chứng quyền đóng vai trò công cụ phòng ngừa rủi ro: Giá chứng quyền có thể thay đổi ngược với kỳ vọng của nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, do đó chứng quyền không đảm bảo sẽ luôn là một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

Rủi ro về thuế

Thuế thu nhập cá nhân nhà đầu tư cần chi trả có sự khác biệt đáng kể khi lựa chọn chuyển nhượng chứng quyền trước khi đáo hạn hoặc giữ chứng quyền tới khi đáo hạn để thực hiện quyền. Nội dung chi tiết như bên dưới:

+ Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền:

Do chứng quyền có bảo đảm được giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở nên khi chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền sẽ áp dụng thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%. Trong đó giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

+ Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết:

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Theo quy định tại điểm a, b, e Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm thì giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm là:

- Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc
- Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

Giá thanh toán của chứng quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là cổ phiếu của Công ty cổ phần sữa Việt Nam (VNM) với giá 1.400 VNĐ/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 10:1, giá thực hiện là 150.000 VNĐ.

- Nếu nhà đầu tư bán chứng quyền mua tại mức giá 2.000 VNĐ/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ VNĐ.
- Nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và tổ chức phát hành công bố giá thanh toán chứng quyền là 2.000 VNĐ/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ VNĐ.

+ Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Do hiện hành mới quy định thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền nên thời điểm phát sinh thu nhập là thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền. Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần. Trong đó, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở giao dịch chứng khoán công bố theo quy định tại điều 14 Thông tư số 107/2016/TT-BTC .

Ví dụ 2: Tương ứng các giả thiết tại Ví dụ 1 nêu trên, giá thanh toán của tài sản cơ sở (VNM) do Sở giao dịch chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 155.000 đồng/cổ phiếu.

Số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền là:

$$155.000 \times (100 : 10) \times 0,1\% = 1.550 \text{ VNĐ}$$

Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế Việt Nam, thị trường chứng khoán Việt Nam, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành chứng quyền và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.

Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Nhìn lại hai năm vừa qua, nền kinh tế toàn cầu đã thay đổi từ sự tăng trưởng mạnh mẽ được thúc đẩy bởi lãi suất thấp trong năm 2017 sang mức tăng trưởng khiêm tốn và thanh khoản thắt chặt hơn trong năm 2018. Trong năm 2019, nền kinh tế Mỹ dự kiến sẽ tăng trưởng chậm lại đáng kể do tác động của chính sách kích thích tài khóa yếu dần và các nền kinh tế đang phát triển sẽ đối mặt với nhiều thách thức hơn do sự bất ổn của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung. Triển vọng kinh tế của khu vực châu Âu và Anh cũng có xu hướng đi xuống trong năm 2019 với sự sụt giảm tăng trưởng của các nhà xuất khẩu lớn tại châu Âu như Đức do nhu cầu suy yếu tại các nền kinh tế mới nổi và những lo ngại về việc Brexit vẫn ám ảnh tâm lý nhà đầu tư ở châu Âu và Anh. Các nước đang phát triển dự kiến tăng trưởng chậm lại, dẫn dắt bởi sự suy giảm trong tăng trưởng của Trung Quốc, do độ trễ của tác động đến từ việc giảm đòn bẩy kinh tế và căng thẳng thương mại lên tiêu dùng và niềm tin kinh doanh. Tuy nhiên, việc nới lỏng chính sách để hỗ trợ khu vực tư nhân và phát triển cơ sở hạ tầng của Trung Quốc sẽ giúp nền kinh tế của quốc gia này không phải đối diện với một sự suy giảm kinh tế nghiêm trọng.

Các điều kiện tài chính thắt chặt hơn trong năm 2018 với lãi suất gia tăng, đặc biệt là ở Mỹ, đã gây ra sự biến động lớn tại các thị trường mới nổi và được thể hiện qua sự suy yếu của các đồng nội tệ so với USD tại các quốc gia này. Những quốc gia có ảnh hưởng tiêu cực nhất là các nước có thâm hụt kép gia tăng hoặc có nợ ngoại tệ lớn. Trong năm 2019, tăng trưởng suy giảm và lãi suất tiếp tục tăng sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến bức tranh chung của các thị trường mới nổi. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhiều đồng nội tệ đã mất giá khá mạnh ở nhiều quốc gia mới nổi trong năm 2018 và thay đổi gần đây về kỳ vọng tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ, có thể dự báo áp lực lên điều kiện tài chính tại thị trường mới nổi từ các chính sách thắt chặt của Fed sẽ giảm xuống trong năm nay. Một thỏa thuận thương mại tạm thời giữa Mỹ và Trung Quốc có thể giúp bức tranh toàn cầu tích cực hơn và dẫn đến sự tăng trưởng trở lại của các nền kinh tế mới nổi.

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến 2019 - 2020

| Tăng trưởng kinh tế | 2016 | 2017 | 2018F | 2019F | 2020F |
|-------------------------------|-------|------|-------|-------|-------|
| Mỹ | 1,6 | 2,2 | 2,9 | 2,6 | 1,9 |
| Nhật | 1,0 | 1,7 | 1,0 | 1,0 | 0,4 |
| Châu Âu | 1,9 | 2,4 | 1,9 | 1,6 | 1,5 |
| Đức | 2,2 | 2,2 | 1,7 | 1,6 | 1,5 |
| Pháp | 1,1 | 2,2 | 1,6 | 1,6 | 1,5 |
| Ý | 1,1 | 1,6 | 1,0 | 0,9 | 0,9 |
| Tây Ban Nha | 3,2 | 3,0 | 2,5 | 2,2 | 1,9 |
| Anh | 1,8 | 1,7 | 1,3 | 1,5 | 1,6 |
| Trung Quốc | 6,7 | 6,9 | 6,6 | 6,2 | 6,0 |
| Ấn Độ | 8,2 | 7,1 | 7,5 | 7,3 | 7,5 |
| Nga | (0,2) | 1,5 | 1,7 | 1,5 | 1,7 |
| Brazil | (3,3) | 1,1 | 1,3 | 2,4 | 2,5 |
| Nền kinh tế phát triển | 1,8 | 2,4 | 2,4 | 2,1 | 1,7 |
| Nền kinh tế mới nổi | 4,5 | 5,1 | 5,1 | 4,9 | 5,1 |
| Thế giới | 3,3 | 3,7 | 3,7 | 3,6 | 3,3 |

(Nguồn: VNDIRECT, Bloomberg)

Triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Chúng tôi dự báo tăng trưởng sẽ giảm xuống trong năm 2019 sau mức tăng mạnh trong giai đoạn 2017-18. Tăng trưởng GDP thực năm 2019 ước tính đạt 6,6%, sát với kỳ vọng thị trường và thấp hơn mục tiêu của Chính phủ cho năm 2019 trong khoảng 6,8%. Theo chúng tôi, nhu cầu trong nước vẫn là yếu tố quan trọng trong tăng trưởng chung với sự tăng trưởng mạnh của ngành bán lẻ và du lịch.

Sản xuất sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh do:

- 1) Trong 3 năm vừa qua, đầu tư tư nhân tăng bình quân 15,0% mỗi năm; có thể kỳ vọng làn sóng đầu tư mới sẽ đẩy mạnh công suất sản xuất của nền kinh tế;
- 2) Việc ra mắt điện thoại thông minh nắp gập trong giai đoạn 2019-2020 của các nhà sản xuất hàng đầu và sử dụng mạng 5G dự kiến sẽ tạo ra chu kỳ tăng trưởng mới cho sản phẩm điện thoại thông minh và hạn chế đà suy giảm của tiêu dùng. Những đột phá đáng kể về công nghệ trong phát triển lĩnh vực điện thoại thông minh đã thúc đẩy vốn đầu tư từ Samsung và LG vào Việt Nam trong 2017-18, điều này có thể hỗ trợ tăng trưởng của khu vực FDI từ năm 2019;
- 3) Dòng vốn FDI có thể tiếp tục tăng mạnh vì chiến tranh thương mại Mỹ-Trung có thể tạo ra cơ hội phát triển cho ngành sản xuất của Việt Nam trong sự dịch chuyển chuỗi cung ứng của khu vực nhằm giảm phụ thuộc vào Trung Quốc; điều này đồng thời được hỗ trợ bởi các hiệp định song phương FTA và CPTPP mà Việt Nam mới ký kết.

Trong năm 2019, chúng tôi dự báo Chính phủ sẽ tập trung hơn vào khu vực tư nhân và thực hiện chính sách tiền tệ và tài khóa thận trọng để tránh nguy cơ gây ra bất ổn vĩ mô.

Bảng 2: Một số dự báo vĩ mô 2019

| | | 2017 | 2018E | 2019F | 2019P |
|---------------------|-------|------|-------|-------|-------|
| Tăng trưởng kinh tế | %yoy | 6,8 | 7,1 | 6,6 | 6,8 |
| Nông nghiệp | %yoy | 2,9 | 3,8 | 3,3 | 3,0 |
| Khai khoáng | %yoy | -7,1 | -3,1 | -2,0 | -4,4 |
| Sản xuất | %yoy | 14,4 | 13,0 | 10,2 | 12,1 |
| Xây dựng | %yoy | 8,7 | 9,2 | 8,5 | 9,2 |
| Bán lẻ | %yoy | 8,4 | 8,5 | 8,5 | na |
| Xuất khẩu | %yoy | 21,6 | 13,0 | 12,0 | 8-10 |
| Nhập khẩu | %yoy | 21,4 | 11,3 | 13,6 | 10,1 |
| Lạm phát bình quân | %yoy | 3,5 | 3,5 | 3,9 | < 4 |
| Lãi suất điều hành | % | 6,3 | 6,3 | 6,3 | na |
| Cán cân thanh toán | % GDP | 2,7 | 3,0 | 2,5 | na |
| Cán cân tài khóa | % GDP | -3,5 | -3,0 | -3,6 | -3,6 |

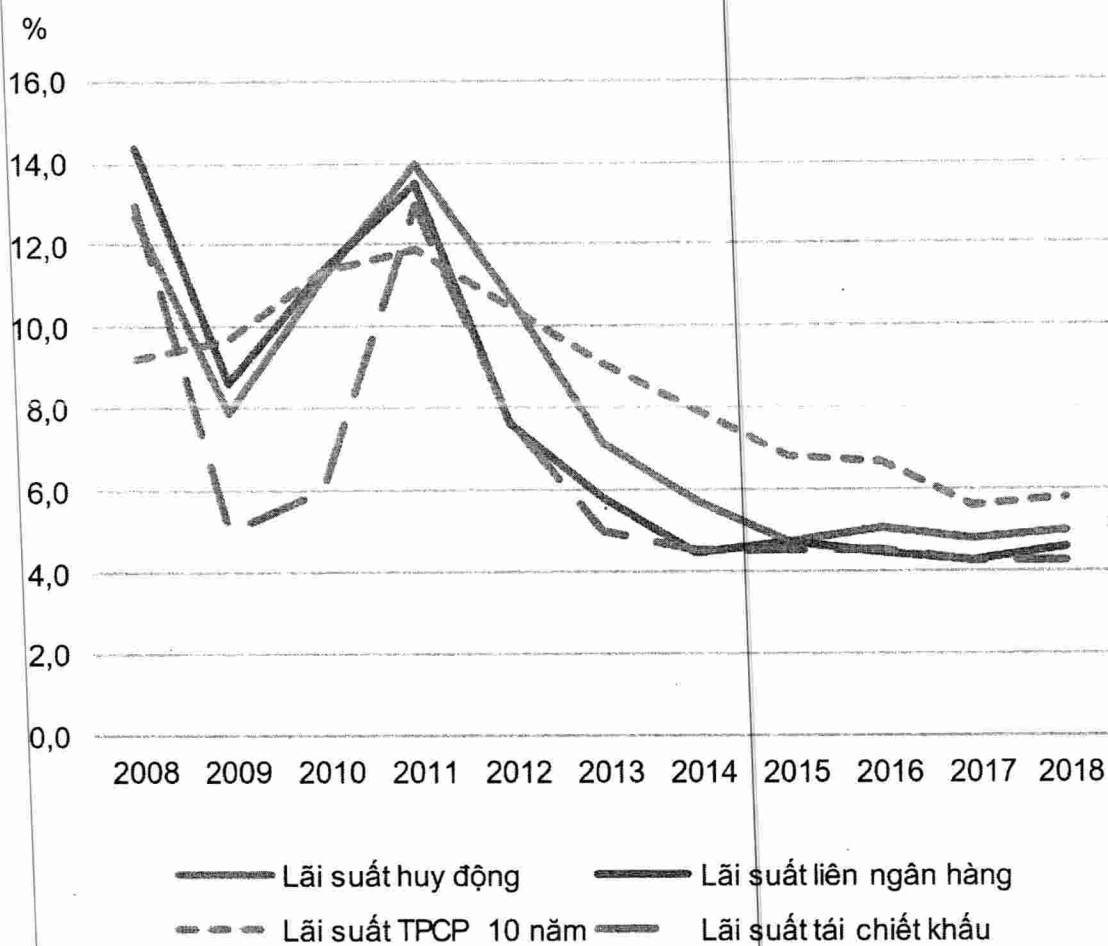
(Nguồn: VNDIRECT | F: dự báo, P: kế hoạch của chính phủ)

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành.

Về lãi suất trong nước, chúng tôi cho rằng Chính phủ vẫn giữ nguyên quan điểm về chính sách tiền tệ và dự báo lãi suất cơ bản sẽ duy trì ở mức 4,25% và 6,25% (lần lượt cho lãi suất chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn). So với kỳ vọng nâng lãi suất cơ bản thêm 25-50 điểm cơ bản vào Q4/2018, chúng tôi hạ kỳ vọng vào việc tăng lãi suất cơ bản do áp lực lạm phát giảm xuống nhờ giá dầu sụt giảm gần đây. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy lãi suất huy động tăng nhẹ trong Q4/2018 trong hệ thống ngân hàng. Điều này dẫn đến chi phí cho vay tăng lên, đặc biệt là các ngành có rủi ro cao như bất động sản thương mại và tài chính tiêu dùng mặc dù lãi suất cơ bản vẫn được duy trì. Hiện tại, chúng tôi cho rằng mức chênh lệch giữa lãi suất thị trường và lãi suất cơ bản là không quá lớn. Ngoài ra, chúng tôi dự báo Chính phủ và NHNN sẽ duy trì lãi suất cho vay ổn định để hỗ trợ khu vực tư nhân và tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, theo chúng tôi, việc tăng lãi suất cơ bản sẽ khó xảy ra nếu lạm phát được kiểm soát.

Hình 1: Diễn biến lãi suất trong nước những năm qua



Lạm phát

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá dự báo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, giai đoạn 2016 – 2020, NHNN đặt ra các chỉ tiêu định hướng về tiền tệ, tín dụng thấp hơn giai đoạn 2011 – 2015 nhưng vẫn cân đối đảm bảo phù hợp với sức hấp thụ của nền kinh tế và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm soát hợp lý lượng tiền cung ứng qua các kênh, qua đó đã góp phần kiểm soát tốt lạm phát.

Trong năm 2018, lạm phát được kiểm soát nhờ sự nhất quán của Chính phủ trong điều hành và giá dầu chỉ gia tăng ngắn hạn vào cuối năm. Mặc dù đã tính đến áp lực gia tăng từ các yếu tố như nâng giá dịch vụ công (điện, y tế và giáo dục) và thuế môi trường đối với nhiên liệu, nhưng chúng tôi cho rằng sự điều chỉnh của giá dầu có thể giúp lạm phát tiếp tục được kiểm soát trong năm 2019. Giả định cơ sở của chúng tôi là giá dầu Brent bình quân sẽ ở mức 60-70 USD/thùng trong năm 2019 sẽ không tác động nhiều đến biến động giá cả trong nước. Chúng tôi dự báo tỷ lệ lạm phát chung năm 2019 đạt 3,9%, thấp hơn dự báo bình quân từ Bloomberg ở mức 4,0%. Rủi ro đối với giả định cơ sở của chúng tôi bao gồm:

- 1) giá dầu phục hồi cao hơn dự kiến
- 2) tiền đồng giảm giá mạnh do những rủi ro bên ngoài

Bảng 3: Yếu tố ảnh hưởng đến diễn biến lạm phát những năm qua

| | Lạm phát chung | Lạm phát lõi | Giá lương thực | Giá nhiên liệu | Giá dịch vụ công | Chính sách tiền tệ |
|------|----------------|--------------|----------------|----------------|------------------|--------------------|
| 2013 | 6,6% | 7,0% | ↑ | ↑ | ↑ | |
| 2014 | 4,1% | 1,9% | | ↓ | | |
| 2015 | 0,6% | 1,7% | | ↓ | | |
| 2016 | 2,7% | 1,9% | | | ↑ | ↑* |
| 2017 | 3,5% | 1,3% | | | ↑ | |
| 2018 | 3,5% | 1,5% | ↑ | ↑ | | |

(Nguồn: VNDIRECT)

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý xảy ra trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo... từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), Tổng cục thuế, và được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật các nghị định và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi về mặt chính sách nào xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác, rủi ro này cũng xuất hiện khi các công ty chứng khoán không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các giao dịch không được cho phép của pháp luật dẫn đến những tổn thất nặng nề và tổn hại uy tín của chính mình.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

| | |
|---------------------|--|
| Bà: Phạm Minh Hương | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc |
| Bà: Hoàng Thúy Nga | Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát |
| Bà: Nguyễn Hà Ninh | Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để đảm bảo đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn

Không có

III. CÁC KHÁI NIỆM

Chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền) là hợp đồng giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng quyền được định nghĩa theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định số 60/2015/NĐ-CP).

Chứng khoán cơ sở là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng quyền (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành) là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.

Ngân hàng lưu ký là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán

Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.

Chứng quyền kiểu châu Âu là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.

Giá thực hiện là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua (đối với chứng quyền mua) chứng khoán cơ sở (cổ phiếu) cho tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

Tỷ lệ chuyển đổi cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

Ngày đáo hạn là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.

Chứng quyền đang lưu hành là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.

Chứng quyền chưa lưu hành là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành

Chứng quyền có lãi (ITM) là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở

Chứng quyền lỗ (OTM) là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở

Chứng quyền hòa vốn (ATM) là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở

Vị thế mở chứng quyền của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.

Delta là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$\mathit{Delta} = \frac{\mathit{Mức\ độ\ thay\ đổi\ giá\ chứng\ quyền}}{\mathit{Mức\ độ\ thay\ đổi\ giá\ chứng\ khoán\ cơ\ sở}}$$

Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng 7,08% trong năm 2018, đạt mức cao nhất trong 11 năm qua và vượt dự báo cũng như mục tiêu của Chính phủ. Tăng trưởng diễn ra trên diện rộng ở hầu hết các lĩnh vực gồm:

- 1) sản lượng nông nghiệp cải thiện (+3,8% so với cùng kỳ so với 2,9% trong năm 2017);
- 2) mở rộng sản xuất mạnh mẽ (+13,0% so với 14,4% trong năm 2017) mặc dù chủ nghĩa bảo hộ thương mại quốc tế gia tăng;
- 3) ngành xây dựng tiếp tục tăng trưởng (9,2% so với 8,7% trong 2017);
- 4) chỉ tiêu tiêu dùng ở mức cao (lĩnh vực bán lẻ và bán buôn tăng 8,5% so với 8,4% trong năm 2017) nhờ thu nhập người dân cải thiện cùng với lạm phát ở mức tương đối thấp.

Chỉ có ngành khai khoáng ghi nhận mức tăng trưởng âm (-3,1% so với cùng kỳ) do sản lượng dầu khí tiếp tục giảm nhưng giảm ít hơn mức giảm 7,1% trong năm 2017.

Bảng 4: Tăng trưởng tích cực ở hầu hết các nhóm ngành trong năm 2018

| | 1Q18 | 2Q18 | 3Q18 | 4Q18 |
|----------------------------|------------|------------|------------|------------|
| Tăng trưởng kinh tế | 7,4 | 7,1 | 7,0 | 7,1 |
| Nông nghiệp | 4,1 | 3,9 | 3,7 | 3,8 |
| Khai khoáng | 3,7 | (0,1) | (2,0) | (3,1) |
| Sản xuất công nghiệp | 12,8 | 12,4 | 12,7 | 13,0 |
| Xây dựng | 5,5 | 7,4 | 8,5 | 9,2 |
| Bán lẻ | 8,9 | 8,9 | 8,5 | 8,5 |
| Vận tải | 7,3 | 7,6 | 7,5 | 7,9 |
| Lưu trú & ăn uống | 6,9 | 7,0 | 5,9 | 6,8 |
| Dịch vụ tài chính | 7,2 | 7,6 | 7,9 | 8,2 |

(Nguồn: VNDIRECT)

Năm 2018, CPI bình quân đạt 3,5% và lạm phát lõi là 1,5%, thấp hơn dự báo của chúng tôi và xấp xỉ mức năm 2017. Điểm khác biệt chủ yếu so với năm ngoái là đóng góp của lạm phát giá thực phẩm và nhiên liệu tăng lên trong chỉ số CPI, trong khi năm 2017, điều chỉnh giá hàng hóa & dịch vụ công đóng góp ½ vào mức tăng của lạm phát chung. Mặc dù xảy ra những quan ngại về việc giá thực phẩm và nhiên liệu tăng lên trong năm 2018, nhưng điều này đã được hạn chế nhờ sự can thiệp của Chính phủ nhằm giảm tác động từ sự gia tăng giá các loại hàng hóa này lên lạm phát. Thông qua việc trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu và trì hoãn tăng giá điện cũng như thuế môi trường, Chính phủ đã duy trì tỷ lệ lạm phát ở mức dưới 4,0% trong năm 2018. Thêm vào đó, những nỗ lực của

Chính phủ cũng được hỗ trợ bởi đợt điều chỉnh mạnh của giá dầu thô vào Q4/2018, khiến cho kỳ vọng lạm phát giảm đi đáng kể.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Thị trường chứng khoán có thể sẽ tiếp đối diện với thử thách từ cả những sự kiện “thiên nga đen” và cả nền kinh tế toàn cầu đang ở giai đoạn bão hòa của chu kỳ tăng trưởng.

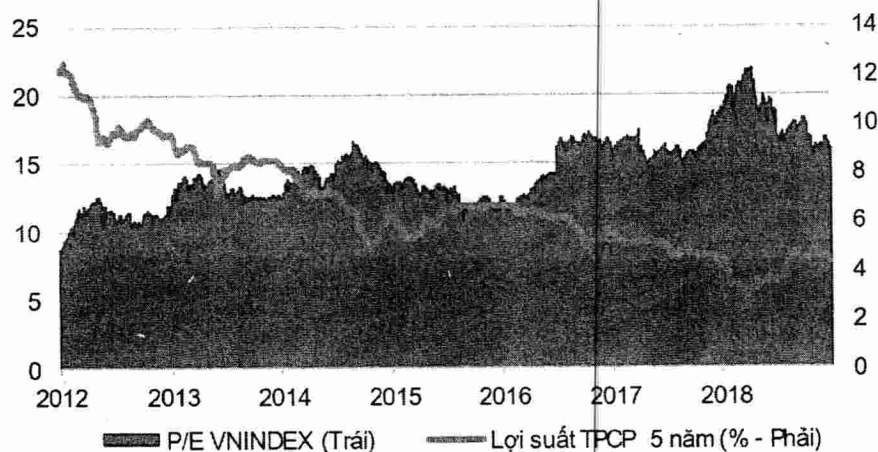
Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung có thể xem là một sự kiện “Thiên nga đen” vốn không được ngờ đến năm 2017, và đã khởi đầu cho một làn sóng bán tháo trên toàn cầu vào tháng 2. Cộng hưởng với 4 lần tăng lãi suất của FED, chiến tranh thương mại trở thành gánh nặng tâm lý lớn đối với thị trường toàn cầu và đã phần nào thay đổi góc nhìn của nhà đầu tư với triển vọng nền kinh tế thế giới. Với chúng tôi, điều này cho thấy trong giai đoạn cuối chu kỳ tăng trưởng kinh tế hay cuối chu kỳ giá tăng của TTCK, tâm lý thị trường rất nhạy cảm với những cú shock tiêu cực từ rất nhiều dạng sự kiện “Thiên nga đen”. Nhà đầu tư nên chuẩn bị cho những biến động lớn dần và cả phản ứng thái quá của thị trường trước bất kỳ thông tin bất lợi nào từ nền kinh tế hay các sự kiện địa chính trị năm 2019.

Định giá P/E của của thị trường có thể tiếp tục sụt giảm do những thách thức từ thế giới nhưng tăng trưởng LN của các DN có thể phần nào hỗ trợ chi số.

Chúng tôi cho rằng P/E của VNINDEX có thể sẽ gặp những áp lực giảm trong năm 2019 do:

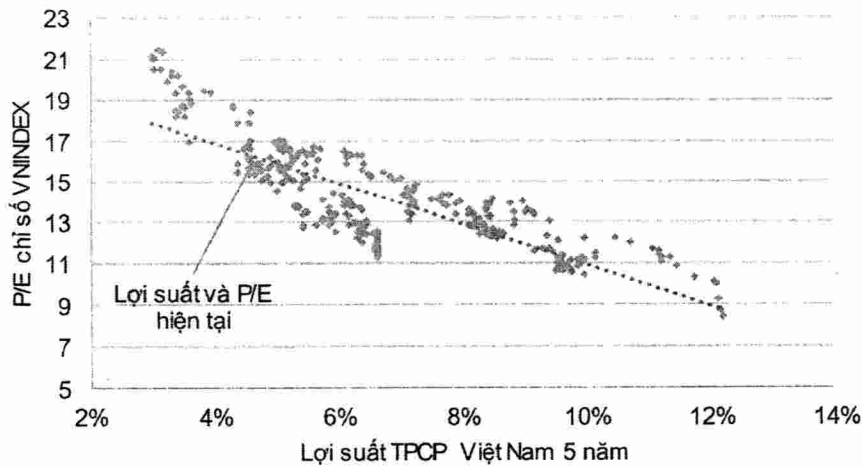
- Dòng tiền khối ngoại có thể tiếp tục rút ra từ các thị trường mới nổi và tìm đến các tài sản an toàn hơn do khả năng FED tiếp tục nâng lãi suất và triển vọng kinh tế toàn cầu xấu đi.
- Lợi suất trái phiếu của Việt Nam có thể tăng lên năm 2019, dù không đáng kể, cũng sẽ làm tăng chi phí vốn chủ sở hữu lên.

Hình 2: P/E của VNINDEX và lợi suất TPCP 2012 - 2018



(Nguồn: Bloomberg)

Hình 3: Mối tương quan giữa P/E của VNINDEX và lợi suất TPCP 5 năm của Việt Nam

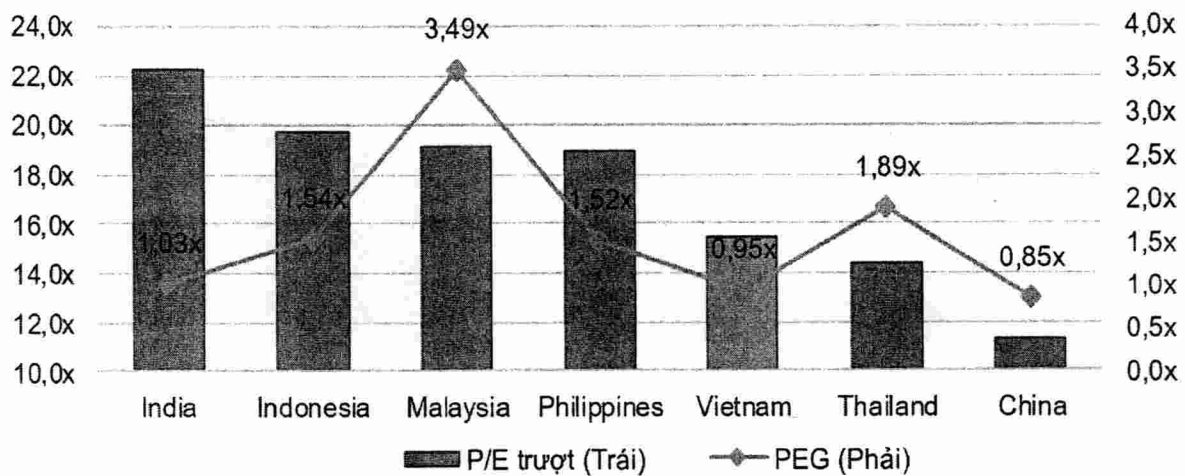


(Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT)

Tại thời điểm 28/12/2018, VNINDEX đang giao dịch ở P/E trượt 15,5x (ở mức thấp hơn 29,4% so với mức P/E khi thị trường đạt đỉnh 1,200 trong tháng 4), định giá ở mức tương đối rẻ khi xét đến mức tăng lợi nhuận dự kiến 25% cho các DN trên HOSE (theo thống kê dự báo của Bloomberg).

Lợi nhuận của các doanh nghiệp trong rổ chỉ số VNINDEX được dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại trong năm 2019, nhưng vẫn được cho là sẽ ở mức 16,4% (theo Bloomberg) và khiến VNINDEX đang giao dịch ở mức giá rất hợp lý xét theo hệ số PEG.

Hình 4: P/E và PEG của Việt Nam và các TTCK khu vực



(Nguồn: Bloomberg)

Nhìn chung, chúng tôi kỳ vọng P/E của thị trường có thể giảm 5% về mức 14,7x, kèm với mức tăng 16,4% của lợi nhuận các DN niêm yết đưa đến dự báo tăng trưởng khoảng 11% của chỉ số VNINDEX, tương ứng với mức 990 điểm vào cuối năm 2019. Dù vậy, chỉ số hoàn toàn có thể vượt quá mốc này trong nửa đầu 2019 nhờ những tin tức khả quan có thể được đưa ra về sự xuống thang của chiến tranh thương mại hay chính sách tài khóa mở rộng của Trung Quốc nhưng sự lạc quan có thể không được kéo dài sang 6 tháng cuối năm do khả năng nền kinh tế tiếp tục chậm lại ở Mỹ, và cũng có thể là ở Trung Quốc.

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo

- **Tỷ suất sinh lợi cao:** Chứng quyền có bảo đảm có đòn bẩy cao nên giá biến động mạnh theo giá chứng khoán cơ sở. Nhà đầu tư có thể thu được lợi nhuận lớn từ việc nhận định đúng xu hướng của giá chứng khoán cơ.

Ví dụ: Ngày 21/02/2018, VNDIRECT chào bán chứng quyền mua (mã chungquyen.XYZ.VND) dựa trên cổ phiếu XYZ (XYZ) với mức giá 15.000 đồng/chứng quyền. Giá hiện tại của XYZ là 200.000 đồng, tỷ lệ chuyển đổi 1:1 và giá thực hiện 200.000 đồng. Nhà đầu tư (NĐT) A mua 1.000 chứng quyền chungquyen.XYZ.VND. Mức phí NĐT A phải trả là: $1.000 \times 15.000 = 15$ triệu đồng

- Giá sử giá XYZ tăng lên 250.000 đồng/cp
- Số lãi của NĐT mua chứng quyền chungquyen.XYZ.VND: $1.000 \times (250.000 - (200.000 + 15.000)) = 35$ triệu, tỷ suất lợi nhuận là 133,3%
- Nếu NĐT sử dụng 15 triệu mua cổ phiếu XYZ (mua được 75 cổ phiếu) thì khi giá tăng lên 250.000 số tiền lãi là: $(250.000 - 200.000) \times 75 = 3,75$ triệu đồng, tỷ suất lợi nhuận 25%


Như ví dụ trên giá cổ phiếu XYZ chỉ tăng 25% nhưng NĐT nắm giữ chứng quyền mua đã sinh lời 133% cho thấy tỷ suất sinh lời

- **Mức lỗ tối đa bằng với phí mua chứng quyền.** Nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền mua có thể thu được lợi nhuận lớn khi giá chứng khoán cơ sở tăng giá nhưng chỉ chịu lỗ tối đa bằng với phần phí mua chứng quyền nếu như giá chứng khoán cơ sở giảm mạnh không theo dự kiến. Như ví dụ trên, nếu giá XYZ giảm về chỉ còn 100.000 đồng/cp, với 1.000 chứng quyền thì NĐT chịu lỗ tối đa 15 triệu đồng trong khi đó nếu nắm giữ 1.000 cổ phiếu XYZ thì NĐT chịu lỗ 50 triệu đồng và có thể nhiều hơn nữa nếu như giá XYZ tiếp tục giảm.
- **Vốn đầu tư thấp so với mua chứng khoán cơ sở:** NĐT thay vì phải bỏ ra một số tiền lớn để mua chứng khoán cơ sở, nhà đầu tư có thể mua chứng quyền với mức vốn bỏ ra chỉ bằng một phần nhỏ nhưng vẫn có thể hưởng lợi từ việc tăng giá của chứng khoán cơ sở. Như ví dụ bên trên, nhà đầu tư có thể mua 1.000 chứng quyền mua với vốn 15 triệu đồng và vẫn hưởng lợi từ việc giá XYZ tăng, thay vì mua 1.000 cổ phiếu XYZ với vốn 200 triệu đồng.
- **Không giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài:** chứng quyền có bảo đảm thanh toán tại ngày đáo hạn bằng tiền mặt do đó nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia mua chứng quyền của những cổ phiếu đã hết room nước ngoài.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1. Giới thiệu về tổ chức phát hành chứng quyền có đảm bảo

| | |
|--|--|
| Tên Công ty | CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT |
| Tên giao dịch quốc tế | VNDIRECT Securities Corporation |
| Tên viết tắt | VNDIRECT |
| Trụ sở chính | Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội |
| Điện thoại | +84 24 3972 4568 |
| Fax | +84 24 3972 4600 |
| Chi nhánh Hồ Chí Minh | Tòa nhà THE 90th PASTEUR, số 90 Pasteur, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Đà Nẵng | Phòng 7-8-9, tầng 3, tòa nhà Bưu Điện, 155 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng |
| Chi nhánh Vinh | Số 1, Đại lộ Lê-nin TP.Vinh, Nghệ An |
| Chi nhánh Cần Thơ | Tầng 3 Tòa nhà STS, số 11B Hòa Bình, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ |
| Chi nhánh Bình Dương | Tầng 18 tòa nhà Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Thành phố Bình Dương |
| Chi nhánh Quảng Ninh | Số 29 - 31 Đường 25/4, Phường Hồng Gai, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh |
| Website | www.vndirect.com.vn |
| Logo |  |
| Giấy CNĐKKD | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014521 do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp ngày 07/11/2006 |
| Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán | Số 22/UBCK-GPHĐKD ngày 16/11/2006, và các Quyết định/Giấy phép điều chỉnh: số 307/UBCK-GP ngày 03/03/2010; số 344/UBCK-GP ngày |

20/08/2010; số 118/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2012;
số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/02/2015; số 14/GPĐC-
UBCK ngày 01/06/2016.

Đại diện theo pháp luật Bà Phạm Minh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám Đốc

Vốn điều lệ 2.204.301.690.000 đồng (Hai nghìn hai trăm lẻ bốn
tỷ, ba trăm lẻ một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn
đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân
- Môi giới chứng khoán phái sinh, Tự doanh chứng khoán phái sinh và Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

VNDIRECT được thành lập năm 2006, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014521 do Sở KHĐT TP.Hà Nội cấp ngày 07/11/2006 và Giấy phép hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 với vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng. Từ năm 2014 đến nay, VNDIRECT có vốn điều lệ là 1.549,9 tỷ đồng. Các dấu mốc quan trọng của Công ty như sau:

- | | |
|----------|---|
| Năm 2006 | Công ty được thành lập với vốn điều lệ 50 tỷ đồng |
| Năm 2007 | Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng Công ty đầu tiên tại Việt Nam cung cấp giải pháp giao dịch chứng khoán trực tuyến toàn diện |
| Năm 2008 | Đưa hệ thống Call Center và Data Center hoạt động |
| Năm 2009 | Vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính 2008, tích cực tham gia thị trường OTC với sản phẩm MBF được ghi nhận là sáng tạo đột phá |
| Năm 2010 | Niêm yết cổ phiếu trên Sở GDCK Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán VND (ngày giao dịch đầu tiên là 30/03/2010) Tăng vốn điều lệ lên 999,990 tỷ VNĐ |



- Năm 2011 Lần đầu tiên VNDIRECT dẫn đầu thị phần môi giới chứng khoán tại sàn HNX quý 3/2011
- Đạt danh hiệu “Doanh nghiệp có giao dịch trực tuyến tin cậy nhất” tại tuần mua sắm trực tuyến do Hiệp hội Thương mại điện tử tổ chức và trao tặng
- Năm 2012 Đứng thứ 2 về thị phần môi giới tại HNX, đứng thứ 8 tại HOSE.
- Ra mắt dịch vụ Bloomberg EMSX, cung cấp thành công sản phẩm Direct Market Access cho khách hàng tổ chức. Cổ phiếu VND đại diện cho ngành dịch vụ tài chính lọt vào rổ cổ phiếu HNX30
- Năm 2013 Phát triển mạnh dịch vụ quản lý tài khoản và môi giới tư vấn.
- Thị phần môi giới Top 2 HNX, Top 5 HOSE
- Năm 2014 Tăng vốn điều lệ lên gần 1.550 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu xấp xỉ 1.900 tỷ đồng, trở thành Top 3 công ty có vốn lớn nhất thị trường chứng khoán
- Năm 2015 Vươn lên vị trí top 2 thị phần môi giới tại HNX và giữ vững vị trí thứ 4 thị phần tại HOSE. Top 10 Công ty chứng khoán có thị phần giao dịch Trái phiếu lớn nhất trên cả 2 sàn
- VNDIRECT được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh danh hiệu 01 trong 03 Công ty chứng khoán thành viên có dịch vụ Môi giới tốt nhất Giai đoạn 2005 – 2015
- Năm 2016 Kỷ niệm 10 năm thành lập, VNDIRECT vững vàng tại vị trí Top 5 CTCK có thị phần lớn nhất trên thị trường với các sự kiện tiêu biểu:
- Giữ vững thị phần môi giới đứng thứ 4 trên sàn HOSE và đứng thứ 2 trên sàn HNX;
 - VNDIRECT ký kết hợp đồng hợp tác với Công ty chứng khoán Quốc tế CIMB Singapore – Một trong những CTCK có quy mô toàn cầu với nhiều nội dung như: Đẩy mạnh kết nối hệ thống giao dịch trực tuyến, hỗ trợ nhà đầu tư cá nhân trên toàn cầu của CIMB có thể mua bán chứng khoán Việt

Nam thông qua công giao dịch của CIMB và đào tạo, huấn luyện đội ngũ nhân viên VNDIRECT nâng cao kiến thức và kỹ năng...



Năm 2017 VNDIRECT và CTCK CIMB (Singapore) đồng tổ chức thành công Ngày hội Doanh nghiệp Việt Nam với quy mô lớn tại thị trường Hồng Kông, nhằm đưa thị trường Việt Nam tiếp cận gần hơn với thị trường Châu Á Thái Bình Dương. Ngày hội có sự góp mặt của 10 Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam và gần 40 Quỹ đầu tư trong Khu vực.

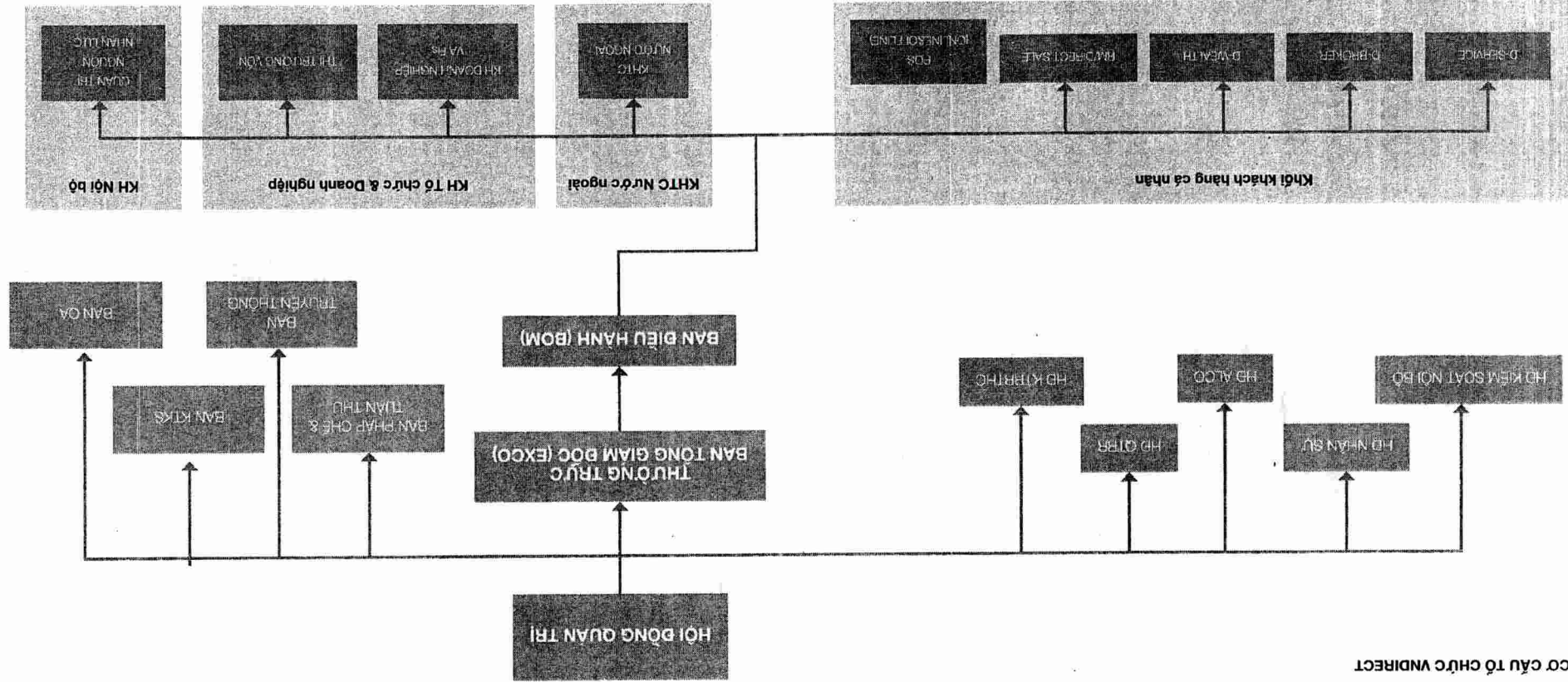
Ngày 19/05/2017 VNDIRECT nhận giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Trong đó Công ty được phép thực hiện kinh doanh chứng khoán phái sinh sau: (i) Môi giới chứng khoán phái sinh, (ii) tự doanh chứng khoán phái sinh (iii) Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh

Năm 2018 Tháng 1/2018, VND đã ký HĐ hợp tác sản phẩm DirectInvest với CTCK Finansia Syrus, Thái Lan. DirectInvest giúp cho các nhà đầu tư Thái có thể giao dịch trực tuyến tại Việt Nam với chi phí thấp và tiện lợi. Nhà đầu tư Thái Lan rất quan tâm đến thị trường Việt Nam và họ luôn tìm cơ hội được giao dịch trực tuyến tại Việt Nam. Sau Thái Lan, VND sẽ phát triển thêm những thị trường trong khu vực.

VNDIRECT được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tăng vốn lên 2.204,3 tỷ đồng, trở thành Công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn thứ 3 trên thị trường. Công ty tiếp tục chuyển dịch nền tảng hoạt động kinh doanh ngân hàng số, và kết nối với các thị trường khách hàng cá nhân trong khu vực thông qua hệ sinh thái mở Open API.

1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

CƠ CẤU TỔ CHỨC VNDIRECT



1.3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại Hội Đồng Cổ đông có quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo các quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty.

1.3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị quyết định hoạt động kinh doanh, có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty. Cơ cấu HĐQT của Công ty như sau:

| | |
|--------------------------|-----------------|
| Bà Phạm Minh Hương | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Pekka Mikael Nastamo | Thành viên HĐQT |
| Ông Vũ Hiền | Thành viên HĐQT |
| Ông Phạm Lê Nhật Quang | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang | Thành viên HĐQT |

1.3.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát có quyền giám sát Hội đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

| | |
|--------------------------|----------------------|
| Bà Hoàng Thúy Nga | Trưởng Ban Kiểm Soát |
| Bà Huỳnh Thanh Bình Minh | Thành viên BKS |
| Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh | Thành viên BKS |

1.3.4. Ban điều hành

Ban Điều hành của Công ty bao gồm 04 (bốn) người trong đó có 01 Tổng Giám đốc và 03 Cán bộ quản lý. Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

| | |
|--------------------|--------------------------------|
| Bà Phạm Minh Hương | Tổng giám đốc |
| Bà Vũ Nam Hương | Giám đốc tài chính |
| Ông Lê Anh Tuấn | Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh |

1.3.5. Kiểm toán nội bộ

Bộ phận kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị. Bộ phận kiểm toán nội bộ có trách nhiệm:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;
- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty.

1.3.6. Các khối kinh doanh và vận hành

1.3.6.1. Khối dịch vụ chứng khoán

- Khách hàng cao cấp và tổ chức
 - Phòng khách hàng cao cấp làm nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ, sản phẩm tài chính chuyên biệt dựa trên nhu cầu của khách hàng cao cấp; hỗ trợ thực hiện các giao dịch lớn, giao dịch nội bộ, công bố thông tin cho khách hàng; hỗ trợ các giao dịch mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A) cho các khách hàng doanh nghiệp/ khách hàng cá nhân lớn; hỗ trợ kết nối các dịch vụ thị trường vốn như tư vấn niêm yết, huy động vốn từ thị trường chứng khoán cho khách hàng doanh nghiệp và cung cấp thông tin về biến động thị trường tài chính, doanh nghiệp theo yêu cầu của khách hàng hoặc kết nối khách hàng gặp gỡ tiếp xúc với doanh nghiệp niêm yết...
 - Phòng khách hàng tổ chức làm nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ, sản phẩm tài chính chuyên biệt dựa trên nhu cầu của khách hàng là các tổ chức doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp nhà nước, các quỹ đầu tư; hỗ trợ thực hiện các giao dịch lớn, giao dịch nội bộ, công bố thông tin cho khách hàng; hỗ trợ các giao dịch mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A) cho các khách hàng doanh nghiệp/ khách hàng cổ đông lớn; hỗ trợ kết nối các dịch vụ thị trường vốn như tư vấn niêm yết, huy động vốn từ thị trường chứng khoán cho khách hàng doanh nghiệp; cung cấp thông tin về biến động thị trường tài chính, doanh nghiệp theo yêu cầu của khách hàng hoặc kết nối khách hàng gặp gỡ tiếp xúc với doanh nghiệp niêm yết... và tham gia các cuộc họp với ban lãnh đạo của khách hàng doanh nghiệp theo định kỳ hàng quý, hàng năm để trình bày kế hoạch, triển vọng đầu tư tài chính theo lộ trình ngắn hạn & dài hạn.
- Khách hàng độc lập

- Khách hàng tổ chức nước ngoài
- Môi giới:
 - VNDIRECT có tổng cộng 35 phòng môi giới, với số lượng nhân viên môi giới gần 800 người. Việc phát triển mạnh số lượng nhân viên môi giới đi kèm với chính sách kiểm soát chặt chẽ nằm trong kế hoạch dài hạn của VNDIRECT nhằm mang lại chất lượng phục vụ cho các đối tượng khách hàng là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

1.3.6.2. Khối Thị trường vốn

- Ngân hàng đầu tư
 - Khối Ngân hàng đầu tư có nhiệm vụ cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khách hàng của VNDIRECT như: Thị trường vốn cổ phần (ECM); Thị trường vốn nợ (DCM); Mua bán sáp nhập (M&A) và tư vấn tài chính doanh nghiệp.
- Hoạt động đầu tư

Gồm 2 mảng chính:

- Dịch vụ đầu tư làm nhiệm vụ cung cấp dịch vụ liên quan đến giao dịch cổ phiếu theo các yêu cầu phù hợp của khách hàng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ mua trạng thái lớn hoặc bán trạng thái lớn cho các cá nhân và doanh nghiệp có nhu cầu.
- Tự doanh có nhiệm vụ xây dựng đội ngũ kinh doanh chứng khoán có khả năng giao dịch đem lại lợi nhuận cho Công ty và khách hàng khi tham gia thị trường tài chính; Xây dựng và quản lý danh mục tự doanh cho Công ty và Cung cấp dịch vụ quản lý danh mục ủy thác cho khách hàng của VNDIRECT.
- Tài chính cấu trúc
 - Tài chính cấu trúc làm nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển và cung cấp dịch vụ các loại chứng khoán phái sinh, các sản phẩm cấu trúc liên quan đến chứng khoán.

1.3.6.3. Khối quản trị rủi ro

- Bộ phận chịu trách nhiệm xây dựng chính sách và mô hình quản trị rủi ro bao gồm: rủi ro thị trường (biến động lãi suất, giá cổ phiếu), rủi ro thanh khoản, rủi ro tuân thủ trong kinh doanh, rủi ro kinh doanh; Ra đề bài thông tin thu thập, tổ chức, xử lý dữ liệu; Thiết lập hệ thống báo cáo rủi ro cho mục đích điều hành và phân tích kinh doanh.

1.3.6.4. Khối công nghệ

- Khối công nghệ chịu trách nhiệm xây dựng và quản lý Hạ tầng hệ thống; Hệ thống BO; Hệ thống giao dịch online; Hệ thống công thông tin; Hệ thống phục vụ môi giới giao dịch; CRM; Khối Công nghệ đồng thời tham gia công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

1.3.6.5. Khối phân tích

- Tham gia xây dựng mô hình chấm điểm rủi ro danh mục cổ phiếu tại VNDIRECT;
- Xây dựng quan hệ doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu phân tích của VNDIRECT;
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm dịch vụ của Khối Phân tích cho Khối Môi giới, Khách hàng cá nhân và khách hàng chiến lược của VNDIRECT;

- Phối hợp với các bộ phận kinh doanh để xây dựng kênh phân phối sản phẩm của bộ phận phân tích đảm bảo minh bạch và công bằng;
- Hỗ trợ thực hiện hoạt động đưa khách hàng đi thăm, tìm hiểu và phỏng vấn lãnh đạo doanh nghiệp;
- Hỗ trợ tổ chức thực hiện thẩm định các khoản đầu tư theo yêu cầu của Ban điều hành;
- Hỗ trợ Trung tâm Đào tạo phát triển tri thức đầu tư chứng khoán cho cán bộ nhân viên VNDIRECT;
- Tham mưu cho ban Giám đốc đề xuất, định hướng các chiến lược phù hợp và xây dựng các sản phẩm mới cho khách hàng.

1.3.6.6. Khối dịch vụ và vận hành

- Dịch vụ khách hàng:
 - Xây dựng và thực hiện các quy trình nghiệp vụ như mở tài khoản, đóng tài khoản, thay đổi thông tin, cài đặt sản phẩm dịch vụ; Xây dựng và thực hiện quy trình tiếp nhận và xử lý thắc mắc khách hàng; Xây dựng và thực hiện quy trình tư vấn, cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khách hàng; Thực hiện và hỗ trợ xác thực chữ ký khách hàng; Xây dựng hình ảnh dịch vụ khách hàng hoàn hảo: Tận tâm, tri thức, tin cậy; Xây dựng và thực hiện triển khai lấy phiếu NPS khách hàng qua các kênh: tại sàn, qua tổng đài (Đánh giá mức độ hài lòng khách hàng về các trải nghiệm tại VNDIRECT); Xây dựng hình ảnh không gian bàn làm việc chuyên nghiệp; Xây dựng & thực hiện các chương trình chính sách chăm sóc khách hàng, các chương trình thúc đẩy kinh doanh; Tổ chức các khóa đào tạo kiến thức cho khách hàng định kỳ; Thực hiện các cuộc nghiên cứu, khảo sát mức độ hài lòng về chất lượng dịch vụ; Thực hiện các chương trình tri ân, chăm sóc khách hàng; Xây dựng quy trình tiếp nhận và xử lý phản hồi khách hàng.
- Nghiệp vụ
 - Khối nghiệp vụ giao dịch (BO) là khối kế toán giao dịch và kiểm soát nghiệp vụ. Bộ phận có trách nhiệm hạch toán các giao dịch của Công ty và của khách hàng trên hệ thống, thực hiện các nghiệp vụ thanh toán tiền, lưu ký chứng khoán, giao dịch lệnh tại sàn, quản lý sản phẩm tài chính, quản lý cơ chế kinh doanh, quản lý lưu trữ hồ sơ. Đồng thời xây dựng sản phẩm mới liên quan đến nghiệp vụ giao dịch tiền và chứng khoán; Quản lý và cải tiến các quy trình vận hành của khối Nghiệp vụ; Thiết lập tiêu chuẩn dịch vụ (SLA) cho các sản phẩm và dịch vụ của khối Nghiệp vụ và vận hành các nghiệp vụ theo đúng quy trình và SLA. Ngoài ra, bộ phận còn tham gia xây dựng hệ thống core liên quan đến khối Nghiệp vụ.
 - Hệ thống @DIRECT của Công ty đã tự động hoá rất nhiều công đoạn hạch toán giao dịch, giảm thiểu các can thiệp thủ công giúp qui trình kiểm soát được cài đặt tự động và không tốn nhiều nhân lực. Hiện bộ phận BO với qui mô số người cố định, đủ nguồn lực thực hiện các nghiệp vụ giao dịch hỗ trợ và kiểm soát cho toàn bộ hệ thống của VNDIRECT nếu có tăng trưởng trong những năm tới. Khối nghiệp vụ BO có trách nhiệm kiểm soát chi phí và giảm chi phí cho một giao dịch.
- Phát triển sản phẩm:
 - Nghiên cứu và khảo sát nhu cầu khách hàng, phân loại khách hàng sử dụng sản phẩm và dịch vụ; Nghiên cứu các sản phẩm và mô hình thành công của nước

ngoài; Theo dõi và cập nhật thường xuyên thông tin của đối thủ cạnh tranh; Đề xuất Mô hình kinh doanh mới nhiều tiềm năng; Xây dựng Chính sách sản phẩm phù hợp kích thích giao dịch của khách hàng; Đề xuất và quản lý Product Roadmap và Release Plan; Xây dựng Đề bài kinh doanh và quản lý Backlog sản phẩm; Phối hợp cung cấp, quảng bá sản phẩm; Đánh giá kết quả kinh doanh của từng dự án và sản phẩm Công nghệ.

- Quản lý chất lượng dịch vụ và thúc đẩy bán
 - Hỗ trợ các phòng tăng doanh số thông qua tăng số lượng môi giới chuẩn và chất lượng;
 - Giúp từng cá nhân định hướng nghề nghiệp đúng với sở trường của mình tại VNDIRECT;
 - Tăng doanh số, tăng cao năng lực, kỹ năng và tâm thức làm việc của môi giới tại VNDIRECT;
 - Tăng doanh số thông qua tổ chức các chương trình thi đua thúc đẩy bán;
 - Đào tạo phát triển nguồn nhân lực Môi giới chất lượng cao thông qua Phòng giao dịch, khối hỗ trợ kinh doanh
- Marketing và quan hệ khách hàng:
 - Quản lý nhận diện thương hiệu;
 - Đề xuất hoạch định chiến lược và ngân sách hoạt động hỗ trợ sales & marketing;
 - Tham gia tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông nội bộ theo định hướng của Công ty phạm vi toàn quốc;
 - Kiểm duyệt nội dung, hình ảnh của các hoạt động truyền thông nội bộ;
 - Cập nhật quản lý thông tin giới thiệu Công ty: giới thiệu chung phòng ban, cơ cấu sản phẩm dịch vụ.
- Quản trị nguồn nhân lực:
 - Xây dựng, cập nhật các nội quy lao động; quy chế, cơ chế lương thưởng; các chế độ phúc lợi; tuyển dụng; đánh giá định kỳ...
 - Lập kế hoạch headcount và xây dựng kế hoạch tuyển dụng hàng năm;
 - Trung tâm dịch vụ quan hệ lao động: nhận phản hồi, tâm sự, mong muốn, các mục tiêu làm việc của nhân sự;
 - Thực hiện các chế độ chi trả lương, phúc lợi cho người lao động;
 - Quản lý dữ liệu: Quản lý, lưu trữ và cập nhật dữ liệu, hồ sơ người lao động;
 - Xây dựng, bảo vệ, truyền thông, giữ gìn văn hóa và các giá trị cốt lõi của Công ty.
- Đào tạo:
 - Tham gia xây dựng, tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ các bộ phận, khung năng lực cốt lõi của tổ chức;
 - Khảo sát nhu cầu đào tạo toàn hệ thống, hỗ trợ làm việc với các bộ phận để xác định nhu cầu và lập kế hoạch ngân sách đào tạo hàng năm;
 - Quản lý lưu trữ hồ sơ tài liệu liên quan đến công tác đào tạo.
- Hành chính:
 - Xây dựng các quy định văn phòng; Quản lý lưu trữ hồ sơ pháp lý; Quản lý công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng; In ấn tài liệu sử dụng cho hoạt động nội bộ và dịch vụ khách hàng; Kiểm soát chi phí, lập báo cáo định kỳ và quản lý sử dụng các tài nguyên chung của văn phòng; Vận chuyển thư tín, hàng hóa nội bộ các văn phòng, các chi nhánh và ra ngoài; Trang trí văn phòng theo các sự kiện nội

- bộ, Lễ, tết; Quản lý đội ngũ tạp vụ; Quan hệ với các cơ quan chủ quản, đơn vị quản lý tòa nhà;
- Kiểm soát ra/ vào, hệ thống an ninh của tòa nhà; Quản lý đội bảo vệ; Tổ chức công tác PCCC; Quản lý tài sản, thiết bị luân chuyển ra/ vào tòa nhà; Đối ngoại cơ quan chức năng: công an khu vực, trật tự vỉa hè, giao thông công chính...;
 - Công tác lễ tân và tiếp đón khách nội bộ và khách hàng của Công ty tại văn phòng, các sự kiện ngoại giao Công ty với các cơ quan hữu quan; Công tác hỗ trợ người đi công tác; Trực tổng đài điện thoại, điều phối xe Công ty, quản lý/ đặt phòng họp; Thư ký cho Ban lãnh đạo; Dịch vụ hậu cần sự kiện nội bộ;
 - Tổ chức quy trình mua sắm; Thực hiện mua sắm; Quản lý kho và bảo dưỡng định kỳ; Quản lý Tài sản; Thiết lập và duy trì mối quan hệ với các NCC;
 - Lập kế hoạch định kỳ, thực hiện, giám sát chi phí, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ.

1.4. Danh sách cổ đông của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/03/2019

| STT | Tên cổ đông | Giấy ĐKKD | Địa chỉ | Số lượng sở hữu (cổ phiếu) | Tỷ lệ (%) |
|------------------|----------------------------------|------------|---|----------------------------|--------------|
| 1 | Công ty TNHH MTV Tài chính I.P.A | 0101398161 | Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | 56.188.354 | 25,49% |
| 2 | Pyn Elite Fund (Non – UCIYS) | CA5604 | C/O Pyn Rahastoyhtio, PL 139 00101, Helsinki, Finland | 20.589.050 | 9,34% |
| 3 | Vietnam Investments Fund | CS9396 | Số 603, 72-74 Phố Nguyễn Thị Minh Khai, Tòa nhà Centec Tower, Quận 3, Tp. Ho Chi Minh | 11.108.501 | 5,04% |
| Tổng cộng | | | | 63.854.301 | 42,29 |

Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

1.4.1. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành

Những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

1.4.2. Công ty mẹ của VNDIRECT

Không có

1.4.3. Các Công ty mà VNDIRECT nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3941 0510

Giấy chứng nhận ĐKDN: Giấy phép số 30/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2009

Ngành nghề kinh doanh: Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của VNDIRECT: 100%/Vốn điều lệ

(VNDIRECT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A vào ngày 04/01/2017)

1.4.4. Các công ty liên kết

Không có

1.5. Các thông tin về Ban điều hành tổ chức phát hành

| | |
|--------------------|--------------------------------|
| Bà Phạm Minh Hương | Tổng giám đốc |
| Bà Vũ Nam Hương | Giám đốc tài chính |
| Ông Lê Anh Tuấn | Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh |
| Bà Nguyễn Hà Ninh | Kế toán trưởng |

BÀ PHẠM MINH HƯƠNG – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày tháng năm sinh: 17/06/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ hệ thống thông tin Đại học Bách khoa Kiev
 - Liên xô (cũ)
- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Điều hành) kiêm Tổng Giám đốc
- Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 12/2006
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 6.414.459 cổ phần tương ứng với 2,91%

- Quá trình công tác:
 - 2018 - nay: Tổng giám đốc - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
 - 2006 - nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
 - 2009 - 2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
 - 2008 - 2009: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ I.P.A
 - 2006 - 2008: Tổng giám đốc - Thành viên HĐQT- Công ty CP Đầu tư I.P.A
 - 2003 - 2005: Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
 - 1995 - 2002: Giám đốc kinh doanh tiền tệ và thị trường tài chính Ngân hàng Citibank
 - 1993 - 1994: Chuyên gia đào tạo - Trung tâm đào tạo Bưu chính Viễn thông

BÀ VŨ NAM HƯƠNG – GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

- Ngày tháng năm sinh: 21/12/1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Ngân hàng Tài chính
- Chức vụ hiện nay: Giám đốc Tài chính
- Thời điểm được bổ nhiệm: Năm 2017
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 130.000 cổ phần tương ứng với 0,059%
- Quá trình công tác:
 - 2017 – nay: Giám đốc Khối Nguồn vốn & Kinh doanh tài chính – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
 - 2008 – 2017: Trưởng phòng Nguồn Vốn – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
 - 2006 – 2008: Chuyên viên phòng quản lý tín dụng, kế toán vốn và nguồn vốn – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT

ÔNG LÊ ANH TUẤN – GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

- Ngày tháng năm sinh: 08/04/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay: Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh
- Thời điểm được bổ nhiệm: Năm 2017
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 26.000 cổ phần tương ứng với 0,0118%
- Quá trình công tác:

- 2017 – nay: Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
- 2011 – 2017: Phó Giám Đốc Khối Khách hàng cá nhân – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
- 2009 – 2011: Chuyên viên cao cấp – Công ty CP chứng khoán Sài Gòn
- 2006 – 2009: Phó Phòng Kiểm toán – Công ty TNHH KPMG

BÀ NGUYỄN THỊ HÀ NINH - KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Ngày tháng năm sinh: 10/08/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng
- Thời điểm được bổ nhiệm: Năm 2007
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 25.597 cổ phần tương ứng với 0,0116%
- Quá trình công tác:
 - 2007 – nay: Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
 - 2006 – 2007: Kế toán trưởng – Công ty CP Anh Đức
 - 2000 – 2005: Kế toán trưởng – Công ty TM và SX Vĩnh Lộc Phát

1.6. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực

Họ và Tên: LÊ ĐẠI DƯƠNG

Chức vụ: Chuyên viên phòng Quản trị rủi ro tại VNDIRECT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chứng chỉ chuyên môn:

- Hoàn thành kì thi CFA level 2
- Hoàn thành kì thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ

Kinh nghiệm:

- 2015 – 2018: Chuyên viên Quản lý danh mục đầu tư – Bộ phận Kinh doanh chứng khoán – Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT
- 2015 – 2019: Phụ trách các công việc liên quan đến sản phẩm cấu trúc của VNDIRECT bao gồm: hợp đồng tương lai, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền có bảo đảm

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của VNDIRECT

Hoạt động kinh doanh của VNDIRECT tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Hoạt động môi giới chứng khoán;

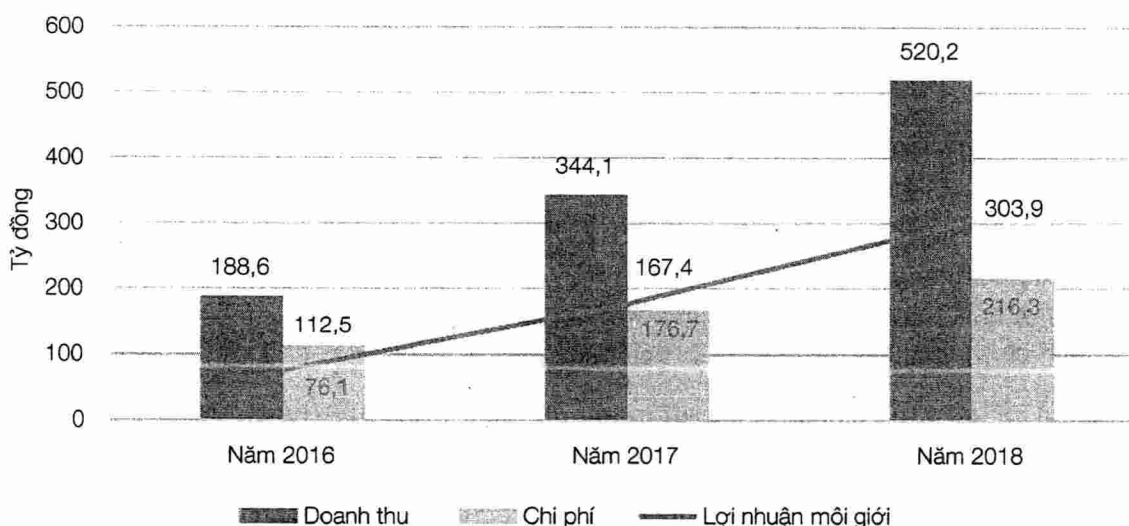
- Hoạt động ngân hàng đầu tư;
- Hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tài chính;
- Hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- Hoạt động quản lý quỹ.

2.1.1. Hoạt động môi giới chứng khoán

Hoạt động môi giới chứng khoán tại VNDIRECT là hoạt động mang lại phần lớn doanh thu cũng như lợi thế cạnh tranh cho VNDIRECT. Tính chung năm 2018, doanh thu dịch vụ chứng khoán đạt 534 tỷ đồng, tăng trưởng 51,27% so với năm 2017, trong đó, doanh thu môi giới tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong doanh thu dịch vụ chứng khoán, chiếm tới 97,74%.

Doanh thu môi giới đạt 520 tỷ đồng, tăng trưởng 51,16% so với năm 2017, thị phần môi giới cũng đạt được những con số ấn tượng.

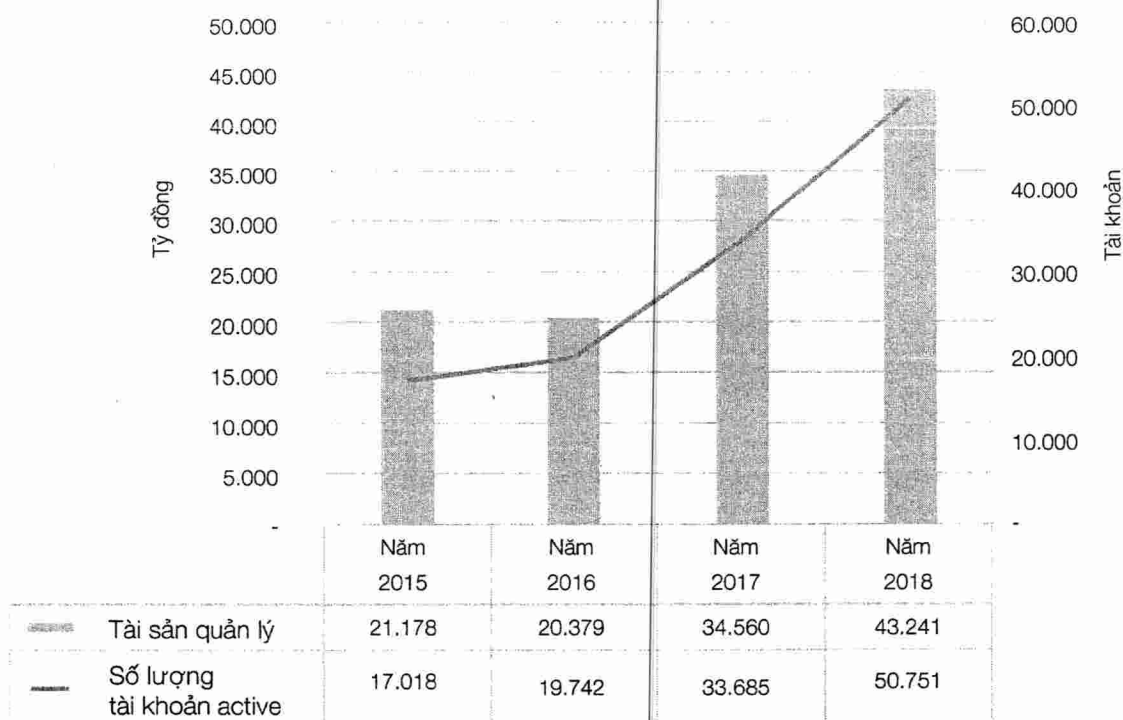
Hình 5: Doanh thu và chi phí môi giới qua các năm



Với những nỗ lực không ngừng, khối sản phẩm dịch vụ chứng khoán của VNDIRECT đã đạt những thành công lớn trong năm 2018. Thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ trên HOSE, HNX có tăng trưởng, thị phần môi giới hợp đồng tương lai dẫn đầu thị trường và tăng trưởng dương. VNDIRECT luôn giữ vững vị trí ở top đầu các công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại cả 2 sàn. Cụ thể trong năm 2018, Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT đứng ở vị trí thứ 4 trên sàn HOSE và đứng thứ 2 trên sàn HNX.

Tổng số lượng tài khoản VNDIRECT đang quản lý là 189.796 tài khoản, trong đó 50.751 tài khoản active. Tính đến năm 2018, riêng các tài khoản mở trên nền tảng số và các chiến dịch Sale Marketing đã đạt 67.000 tài khoản.

Hình 6: Tăng trưởng số lượng tài khoản qua các năm



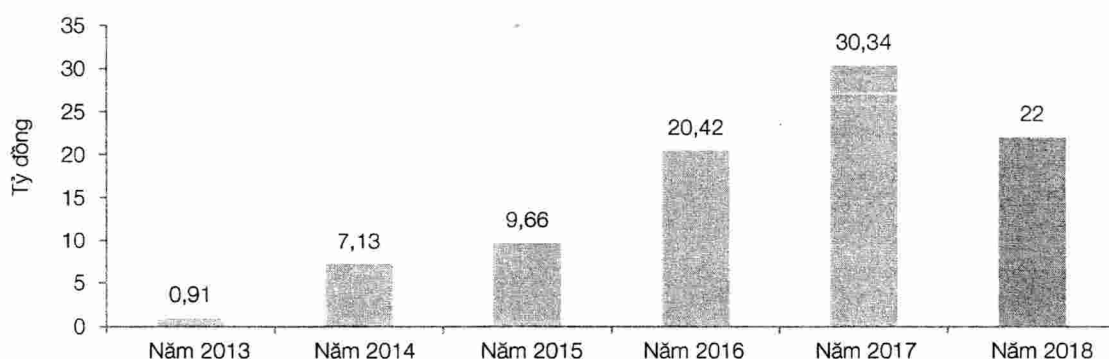
Đội ngũ môi giới không ngừng được đầu tư cả về số lượng và chất lượng, đến nay VNDIRECT đã có trên 600 nhân viên môi giới. Có 332 Chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp cho Cán bộ nhân viên, tăng 47% so với năm 2017. Ngoài ra, đội ngũ môi giới liên tục được đào tạo nội bộ nhằm phát triển trình độ chuyên môn và kỹ năng chăm sóc khách hàng.

2.1.2. Hoạt động Ngân hàng đầu tư

Hoạt động ngân hàng đầu tư bao gồm các dịch vụ chính:

- Thị trường vốn: Phát hành trước khi chào bán ra công chúng; Chào bán lần đầu ra công chúng (IPO); Chào bán bổ sung.
- Thị trường nợ: Phát hành trái phiếu; Thu xếp các khoản vay và cho vay hợp vốn.
- Mua bán sáp nhập: Tư vấn bên mua; Tư vấn bên bán; Phát hành riêng lẻ.
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp: Tư vấn cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước; Tư vấn niêm yết; Tái cơ cấu; Tư vấn quản trị tài chính; ...

Hình 7: Doanh thu hoạt động Ngân hàng đầu tư



Năm 2018, tính riêng sàn HNX và HOSE, có 46 doanh nghiệp niêm yết chứng khoán và thực hiện phiên giao dịch đầu tiên trong năm, tương ứng số lượng đăng ký niêm yết lần đầu 7.129.328.035 cổ phiếu, trong đó 10 doanh nghiệp - 181.950.223 cổ phiếu thuộc HNX, 36 doanh nghiệp - 6.947.377.812 cổ phiếu thuộc HOSE. Vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký niêm yết của doanh nghiệp bé nhất, lớn nhất lần lượt là 80,15 tỉ đồng (CTCP Đầu tư và Phát triển TDT) và 26.796,11 tỉ đồng (CTCP Vinhomes).

Bất động sản là ngành có nhiều doanh nghiệp niêm yết nhất với 10 doanh nghiệp, trong đó có các tên tuổi lớn như Vinhomes, Cenland, Hải Phát Land. Ngành ngân hàng có 3 ngân hàng niêm yết là Techcombank, TPBank và HDBank, trong đó Techcombank có mức vốn hóa niêm yết lớn nhất.

Trong số 46 doanh nghiệp niêm yết mới nêu trên, VNDIRECT tư vấn niêm yết 4 doanh nghiệp, trong đó 2 doanh nghiệp niêm yết HOSE, 2 doanh nghiệp niêm yết HNX.

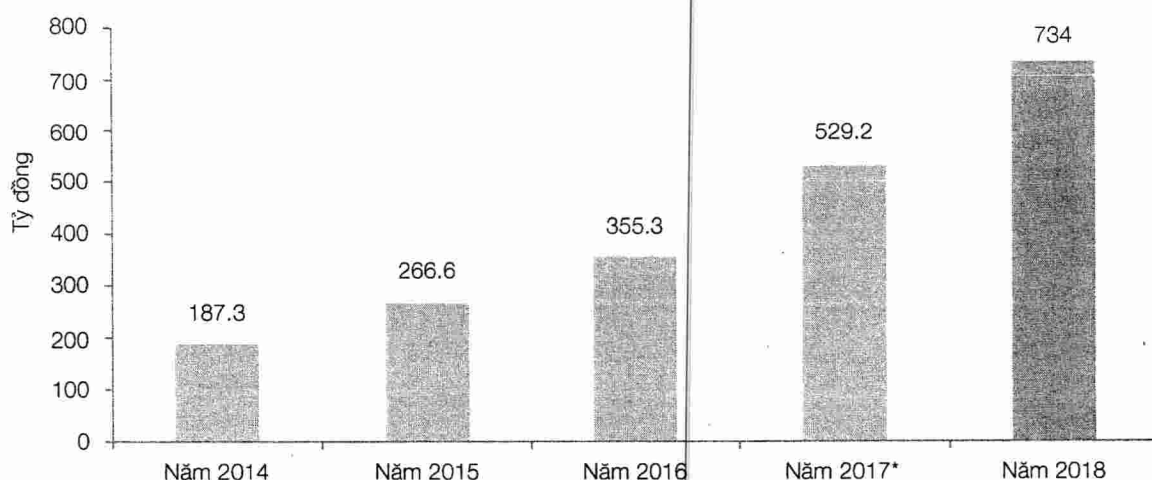
Bảng 6: Các thương vụ khối Ngân hàng đầu tư thực hiện năm 2018

| Mã CK | Sàn niêm yết/ đăng ký giao dịch | Tên doanh nghiệp | Khối lượng đăng ký niêm yết (CP) | Vốn hóa sau phiên giao dịch đầu tiên (đồng) |
|-------|---------------------------------|---|----------------------------------|---|
| PMG | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung | 33.000.000 | 554.400.000.000 |
| FIR | HOSE | Công ty Cổ phần Địa ốc First Real | 13.000.000 | 187.200.000.000 |
| AAV | HNX | CTCP Việt Tiên Sơn Địa ốc | 12.500.000 | 197.500.000.000 |
| TDT | HNX | CTCP Đầu tư và Phát triển TDT | 8.015.040 | 120.225.600.000 |
| VTK | UPCOM | Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel | 4.159.905 | 158.076.390.000 |
| VTP | UPCOM | Viettel Post | 41.376.649 | 3.939.056.984.800 |
| C4G | UPCOM | Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 | 100.000.000 | 1.220.000.000.000 |
| VGI | UPCOM | Viettel Global | 2.243.811.200 | 47.120.035.200.000 |

(Nguồn: VNDIRECT)

2.1.3. Hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tài chính

Hình 8: Doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn qua các năm



Năm 2018, chiến lược tăng nguồn vốn để gia tăng nguồn cung tiền cho hoạt động cho vay ký quỹ đã được Ban lãnh đạo của VNDIRECT xác định là chiến lược quan trọng và đã được thông qua tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Dư nợ trung bình năm 2018 đạt 3.900 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với trung bình của năm 2017.

Có 30.800 tài khoản đăng ký sử dụng sản phẩm tài chính (tăng 1% so với năm 2017).

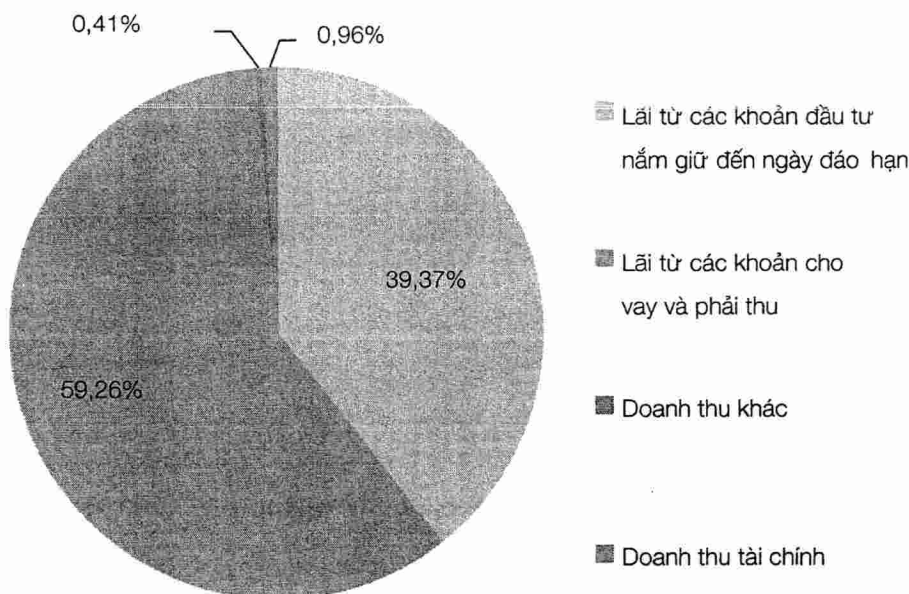
Tại 31/12/2018, dư nợ cho vay margin ghi nhận 2.456 tỷ đồng.

Doanh thu các hoạt động kinh doanh thành phần của mảng kinh doanh nguồn vốn đều có sự tăng trưởng tốt so với năm 2017, trong đó lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) – chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tăng 60,56% do quy mô tài sản tiền gửi kỳ hạn tăng cao.

Nhờ huy động được nguồn vốn mới từ vốn chủ sở hữu và trái phiếu, quy mô vốn cấp cho hoạt động cho vay margin tăng trưởng tốt, lãi hoạt động này đạt 435 tỷ đồng, tăng 26,45% so với năm 2017.

Hoạt động cho vay margin và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi kỳ hạn) đóng góp lần lượt 59,26% và 39,37% tổng doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn.

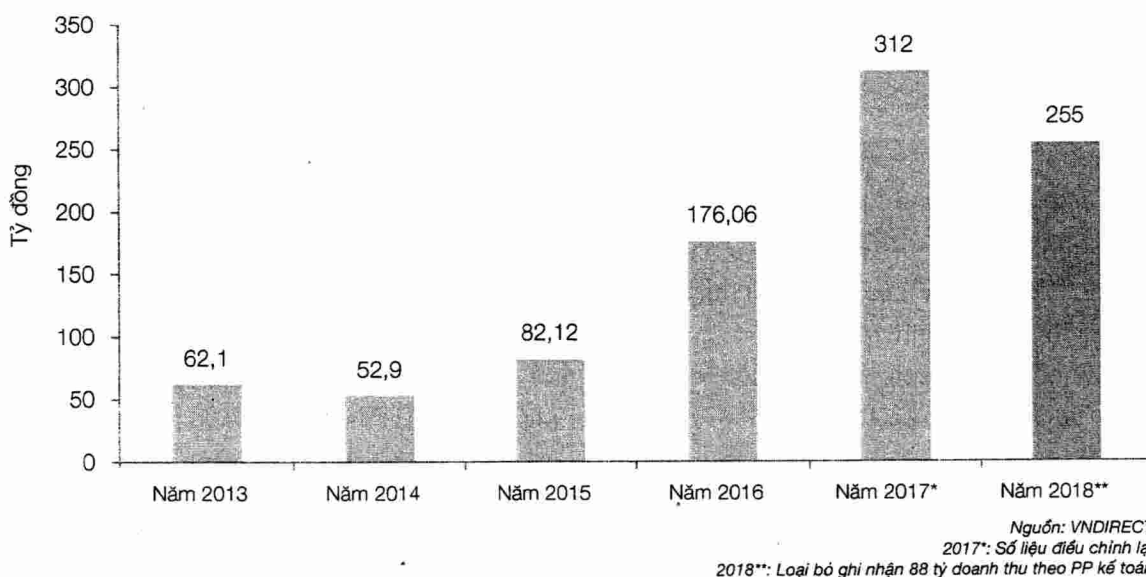
Hình 9: Cơ cấu doanh thu hoạt động kinh doanh Nguồn vốn năm 2018



2.1.4. Hoạt động kinh doanh chứng khoán

Với hậu thuẫn là đội ngũ phân tích dày dặn kinh nghiệm và đang có hợp tác với bộ phận phân tích của Công ty chứng khoán CIMB, hoạt động tự doanh của VNDIRECT đã có những nhận định phù hợp với tình hình thị trường năm 2018. Doanh thu tự doanh của VNDIRECT đạt 344 tỷ đồng, tăng trưởng 10,26% so với năm 2017, nếu loại bỏ việc ghi nhận 88 tỷ đồng theo phương pháp kế toán trong giao dịch thoái vốn tại PTI thì doanh thu tự doanh đạt 255 tỷ đồng, trong đó lãi từ tài sản tài chính (FVTPL) đạt 250 tỷ đồng – chiếm 98,04%, lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ghi nhận 5 tỷ đồng – chiếm 1,96%.

Hình 10: Doanh thu tự doanh của VNDIRECT qua các năm



Năm 2018, VNDIRECT đã thực hiện tổng giá trị giao dịch chứng khoán là hơn 76.618 tỷ đồng, trong đó giao dịch trái phiếu đạt 73.809 tỷ đồng, chiếm 96,3% tổng giá trị giao dịch bán tài sản tài chính.

Bảng 7: Giá trị giao dịch và lãi/lỗ bán tài sản tài chính FVTPL năm 2018

| | Giá trị giao dịch | Lãi/lỗ |
|--------------------------|-------------------|-----------|
| Cổ phiếu niêm yết | 2.562 | 13 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 247 | 14 |
| Trái phiếu niêm yết | 18.918 | 10 |
| Trái phiếu chưa niêm yết | 54.891 | 18 |
| Tổng | 76.618 | 55 |

Đơn vị: tỷ đồng

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty trong năm 2016, 2017, 2018 và quý I, quý II 2019

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2017 | 2018 | +/- (% chênh lệch so với năm 2017) | Quý I 2019 | Quý II 2019 |
|--|-----------|------------|---------------------------------------|------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 8.068.694 | 10.534.641 | 30,56% | 11.126.914 | 11.921.175 |
| Vốn chủ sở hữu | 2.515.714 | 2.982.930 | 18,57% | 3.071.989 | 2.987.115 |
| Doanh thu thuần | 1.220.326 | 1.538.489 | 26,07% | 320.956 | 365.522 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 545.671 | 437.474 | -19,83% | 111.479 | 37.369 |
| Lợi nhuận khác | 34.698 | 525 | -98,49% | 90 | -681 |
| Lợi nhuận trước thuế | 580.369 | 437.999 | -24,53% | 111.569 | 36.688 |
| Lợi nhuận sau thuế | 481.009 | 373.136 | -22,43% | 88.870 | 31.954 |

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC quý I, quý II 2019 của VNDIRECT)

2.3. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành

2.3.1. Chungquyen.FPT.VND.M.CA.T.2019.01

Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm Số 34/GCN-UBCK cấp ngày 11/06/2019.

- Tên chứng quyền: Chungquyen.FPT.VND.M.CA.T.2019.01
- Mã chứng quyền: CFPT1901
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: FPT
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty cổ phần FPT
- Tổng số lượng chào bán: 2.000.000 chứng quyền
- Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1 (02 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)

- Ngày đáo hạn: 11/09/2019
- Giá thực hiện (tại ngày cấp Giấy chứng nhận chào bán) : 45.000 đồng
- Loại chứng quyền: Mua
- Kiểu chứng quyền: Châu Âu
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Bằng tiền
- Thời hạn của chứng quyền: 03 tháng
- Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

2.3.2. Chungquyen.MWG.VND.M.CA.T.2019.01

Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm Số 35/GCN-UBCK cấp ngày 11/06/2019.

- Tên chứng quyền: Chungquyen.MWG.VND.M.CA.T.2019.01
- Mã chứng quyền: CMWG1902
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: MWG
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới di động
- Tổng số lượng chào bán: 2.400.000 chứng quyền
- Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1 (04 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)
- Ngày đáo hạn: 11/12/2019
- Giá thực hiện (tại ngày cấp Giấy chứng nhận chào bán) : 90.000 đồng
- Loại chứng quyền: Mua
- Kiểu chứng quyền: Châu Âu
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Bằng tiền
- Thời hạn của chứng quyền: 06 tháng
- Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

3. Tình hình tài chính

3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

3.2. Các khoản phải nộp theo luật định

Thực hiện theo chủ trương của HĐQT, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty không có khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn.

Bảng 9: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Triệu đồng

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

| STT | Chi tiêu | 2016 | 2017 | 2018 | Quý I 2019 | Quý II 2019 |
|-----|----------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 1 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 12.402 | 25.765 | 19.548 | 24.751 | 7.472 |
| 2 | Thuế thu nhập cá nhân | 6.536 | 17.301 | 16.335 | 14.708 | 11.680 |
| 3 | Thuế GTGT | 123 | 347 | 166 | 193 | 280 |
| | Tổng cộng | 19.061 | 43.413 | 36.049 | 39.653 | 19.432 |

(Nguồn: BCTC Kiểm toán 2016, 2017, 2018 và BCTC quý I, quý II 2019 của VNDIRECT)

(*) Năm 2016, Công ty hạch toán khoản truy thu thuế phát sinh từ năm 2007 vào chi phí thuế của năm 2016.

3.3. Tổng dư nợ vay

Bảng 10: Chi tiết số dư các khoản vay của VNDIRECT

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Chi tiêu | 2016 | 2017 | 2018 | Quý I 2019 | Quý II 2019 |
|-----|------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 2.613.807 | 4.351.896 | 6.012.345 | 6.463.704 | 6.849.452 |
| | <i>Vay ngân hàng</i> | <i>2.613.807</i> | <i>4.351.896</i> | <i>6.012.345</i> | <i>6.463.704</i> | <i>6.849.452</i> |
| 2 | Trái phiếu phát hành dài hạn | 94.300 | 320.000 | 500.000 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 2.708.107 | 4.671.896 | 6.512.345 | 6.463.704 | 6.849.452 |

(Nguồn: BCTC Kiểm toán 2016, 2017, 2018 và BCTC quý I, quý II 2019 của VNDIRECT)

Năm 2016

Trong năm 2016, Công ty đã trả gốc trước hạn 5.700 trái phiếu có tổng giá trị là 5,7 tỷ đồng cho số trái phiếu phát hành năm 2015 và không phát sinh thêm khoản nợ từ trái phiếu mới nào trong năm.

Năm 2017

Đầu năm 2017, VNDIRECT đã hoàn tất việc mua lại công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA (IPAAM) và đã tiến hành hợp nhất báo cáo tài chính vào quý II năm 2017. Trước đó IPAAM đã tiến hành mua 5 tỷ đồng trái phiếu do VNDIRECT phát hành, do vậy khoản trái phiếu giá trị 5 tỷ đồng này được loại trừ ra khỏi bản báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong năm 2017, công ty đã phát hành 3.200.000 trái phiếu không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo có kì hạn 02 năm, lãi suất cố định 9% - 9.2%/năm, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh trên thị trường trái phiếu và kinh doanh trái phiếu Chính phủ. Dự kiến nguồn trả nợ

đến từ lãi từ hoạt động đầu tư trái phiếu chính phủ sử dụng nguồn vốn phát hành Trái phiếu, tiền gửi Ngân hàng và lãi tiền gửi, doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ và nguồn thu từ hoạt động đầu tư góp vốn và hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của VND.

Mục đích sử dụng vốn vay nợ ngắn hạn là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, cụ thể là để cho vay ký quỹ.

Năm 2018

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản vay cùng được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn của VNDIRECT tại ngân hàng trị giá 5.218.000 triệu VND, các cổ phiếu chưa niêm yết có tổng giá trị hợp lý là 191.317 triệu VND. Các khoản vay chịu lãi suất năm từ 2,95% - 8,5%.

Trong năm 2018, VNDIRECT đã phát hành riêng lẻ 5 triệu trái phiếu không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo có kỳ hạn 2 năm, lãi suất thả nổi với lãi suất kỳ đầu tiên 8,8%/năm, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu và 5 triệu trái phiếu không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo có kỳ hạn 1 năm, lãi suất cố định 9,3%/năm, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu để bổ sung vốn cho các hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, tự doanh, bảo lãnh phát hành chứng khoán và mua bán sáp nhập. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các trái phiếu trên chịu lãi suất năm từ 8,8% - 9,3%.

3.4. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 11: Chi tiết các khoản phải thu của VNDIRECT

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 2016 | 2017 | 2018 | Quý I 2019 | Quý II 2019 |
|-----|--|---------------|----------------|---------------|----------------|----------------|
| 2 | Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC | 38.105 | 52.933 | 78.748 | 106.899 | 155.613 |
| 3 | Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 7.317 | - | - | - | - |
| 4 | Trả trước cho người bán | - | 60.775 | 2.425 | 15.868 | 54.951 |
| 5 | Các khoản phải thu khác | 4.185 | 12.961 | 11.053 | 9.123 | 10.556 |
| 6 | Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | (4.072) | (4.663) | (4.663) | (4.663) | (4.663) |
| | Tổng cộng | 45.535 | 122.006 | 87.563 | 127.227 | 216.457 |

(Nguồn: BCTC Kiểm toán 2016, 2017, 2018 và BCTC quý I, quý II 2019 của VNDIRECT)

Bảng 12: Chi tiết các khoản phải trả của VNDIRECT

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Chi tiêu | 2016 | 2017 | 2018 | Quý I 2019 | Quý II 2019 |
|-----|--|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 472.546 | 763.730 | 152.425 | 310.473 | 780.173 |
| 2 | Phải trả về lỗi giao dịch các TSTC | - | - | - | - | - |
| 3 | Phải trả người bán ngắn hạn | 588 | 2.555 | 2.382 | 1.926 | 1.135 |
| 4 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 845 | 1.713 | 2.535 | 3.197 | 3.842 |
| 5 | Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 19.061 | 43.413 | 36.049 | 39.653 | 19.432 |
| 6 | Phải trả người lao động | 12.835 | 28.914 | 6.996 | 6.877 | 4.512 |
| 7 | Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 690 | 1.660 | 3.029 | 3.965 | 4.271 |
| 8 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 8.440 | 15.531 | 92.418 | 87.346 | 35.602 |
| 9 | Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | 965 | 2.100 | 608 | 360 | 2.352 |
| 10 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | - | - | - | - |
| 11 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.752 | 6.306 | 14.862 | 14.862 | 14.442 |
| | Tổng cộng | 517.722 | 865.922 | 311.304 | 446.560 | 865.761 |

(Nguồn: BCTC Kiểm toán 2016, 2017, 2018 và BCTC quý I, quý II 2019 của VNDIRECT)

3.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 13: Các chỉ tiêu tài chính của VNDIRECT

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | 2016 | 2017 | 2018 |
|---|----------------|-----------|-----------|-----------|
| 1. Chỉ tiêu về an toàn tài chính | | | | |
| Giá trị vốn khả dụng | Triệu đồng | 1.825.063 | 1.869.204 | 2.758.422 |
| Tổng Rủi ro | Triệu đồng | 425.247 | 532.466 | 942.815 |
| Rủi ro thị trường | Triệu đồng | 206.847 | 228.113 | 255.872 |
| Rủi ro thanh toán | Triệu đồng | 137.577 | 200.748 | 437.539 |
| Rủi ro hoạt động | Triệu đồng | 80.823 | 103.605 | 249.403 |
| Tỷ lệ vốn khả dụng | % | 429,18 | 351 | 292,6 |
| 2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | lần | 1,61 | 1,37 | 1,45 |
| Hệ số thanh toán nhanh | lần | 1,61 | 1,37 | 1,45 |
| 3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | lần | 0,62 | 0,69 | 0,72 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | lần | 1,66 | 2,21 | 2,53 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| Hệ số LNST/Doanh thu thuần | % | 25,47 | 36,98 | 24,25 |
| Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) | % | 9,59 | 19,68 | 13,67 |
| Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA) | % | 3,79 | 6,63 | 4,04 |
| Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 31,00 | 43,50 | 28,44 |

(Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán 2016, 2017 và 2018)

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

| | |
|---|---|
| Tên chứng quyền | Chứng quyền.MBB.VND.M.CA.T.2019.01 |
| Mã chứng khoán cơ sở | MBB |
| Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở | Ngân hàng TMCP Quân đội |
| Loại chứng quyền | Chứng quyền Mua |
| Kiểu thực hiện | Châu Âu |
| Phương thức thực hiện chứng quyền | Thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng |
| Thời hạn | 03 tháng |
| Ngày phát hành dự kiến | Từ ngày 15/09/2019 đến ngày 30/09/2019 |
| Ngày giao dịch cuối cùng | 02 ngày làm việc trước ngày đáo hạn |
| Ngày đáo hạn | 03 tháng kể từ ngày phát hành nêu trên |
| Tỷ lệ chuyển đổi | 2:1 (2 chứng quyền đổi 1 chứng khoán cơ sở) |
| Giá thực hiện | 17.900 – 26.800 đồng |
| Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán | 1,5 – 3 tỉ đồng |
| Giá chào bán | 1.000 đồng – 2.000 đồng/chứng quyền |
| Tổng số lượng chào bán | 3 triệu chứng quyền |
| Tổng giá trị chào bán | 3 - 6 tỉ đồng |
| Phương pháp tính giá chào bán | Black-Scholes |
| Hệ số phòng ngừa rủi ro dự kiến | 50% – 100% |
| Độ biến động của chứng khoán cơ sở | 20% - 40% |
| Lãi suất phi rủi ro (risk-free rate) | 4,81% |

Chúng tôi sẽ sử dụng công thức Black-Scholes để tính toán chứng quyền có đảm bảo. Sau khi áp dụng phần mềm tính toán tự động, chúng tôi sẽ sử dụng sự kết hợp của các mô hình nội bộ và tính toán phần mềm. Hướng dẫn giám sát sẽ được thông qua để đảm bảo các biện pháp quản lý rủi ro thận trọng có thể được thực hiện.

1.1. Chi tiết các tham số sử dụng cho mô hình định giá

| Tham số | Cơ sở tính toán |
|------------------------------------|--|
| Giá thực hiện | <ul style="list-style-type: none"> - Chúng tôi dự đoán giá chứng khoán cơ sở (MBB) dao động từ -15% (tương đương 18.870đ/cp) đến +15% (25.530đ/cp) - Chứng quyền được phát hành ở vị thế có lãi (in the money) +5% đến chịu lỗ (out of the money) -5% <p>⇒ Giá thực hiện từ: 17.900đ (18.870 x 0.95) đến 26.800đ (25.530 x 1.05)</p> |
| Độ biến động của chứng khoán cơ sở | <ul style="list-style-type: none"> - Độ lệch chuẩn của lợi suất ngày trong 500 ngày giao dịch gần nhất (33,72%) - Hệ số nhân phản ảnh dự đoán của chúng tôi về độ biến động tăng lên trong thời gian niêm yết chứng quyền: 1,5 <p>⇒ Độ biến động lớn nhất: 33,72% x 1,5 = 50,58%</p> |
| Lãi suất phi rủi ro | Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 15 năm tại thời điểm phát hành: 4,81% (Nguồn: Kết quả đấu thầu đợt đấu thầu 100.2019 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, https://hnx.vn/trai-phieu/ket-qua-dau-thau.html) |

1.2. Kết quả mô hình định giá

| | Kết quả tính toán theo mô hình BSM |
|---|--|
| Giá chứng quyền | <p>Giá chứng quyền cao nhất theo dự đoán khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành chứng quyền với vị thế hòa vốn (at the money) - Giá chứng khoán cơ sở cao nhất: 25.530đ - Độ biến động: 50,58% <p>⇒ Giá chứng quyền cao nhất (tỷ lệ 2:1) = 1.850đ</p> <p>⇒ Khoảng giá chứng quyền 1.000 – 2.000 là phù hợp</p> |
| Hệ số phòng ngừa rủi ro dự kiến (delta) | <p>Delta tại vị thế out of the money (delta nhỏ nhất): 0,55</p> <p>⇒ Sử dụng delta trong khoảng 0,5 – 1 là phù hợp</p> |

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

2.1. Thông tin về chứng khoán cơ sở¹

Chứng khoán cơ sở: MBB – Ngân hàng TMCP Quân đội

Vốn hóa thị trường (tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch ngày 28/06/2019): 44.170 tỷ đồng

¹ Nguồn: HSX, Bloomberg

Khối lượng giao dịch bình quân mỗi phiên (từ ngày 02/07/2018 đến ngày 28/06/2019): 4,896 triệu cổ phiếu

Ngày niêm yết lần đầu: 01/11/2011

Tình hình biến động giá trong năm gần nhất

- Giá cao nhất (từ ngày 02/07/2018 đến ngày 28/06/2019): 23.850 đồng/cổ phiếu
- Giá thấp nhất (từ ngày 02/07/2018 đến ngày 28/06/2019): 17.570 đồng/cổ phiếu
- Khối lượng giao dịch bình quân trong 30 ngày (tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch ngày 28/06/2019): 1,847 triệu cổ phiếu
- Độ biến động của chứng khoán cơ sở: 33,72% (Độ lệch chuẩn giá chứng khoán cơ sở trong 1 năm gần nhất chuẩn hóa theo năm)

2.2. Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Quân đội

Ngân hàng TMCP Quân đội thực hiện các loại hình của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động:

- Hoạt động trung gian tiền tệ khác (nhận tiền gửi; cấp tín dụng; mở tài khoản thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; tham gia đấu thầu, mua bán tín phiếu Kho bạc...; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, dịch vụ môi giới tiền tệ, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu..., vay vốn của Ngân hàng Nhà nước; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,...; góp vốn, mua cổ phần; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; lưu ký chứng khoán; ví điện tử; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; mua nợ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

- Hoạt động dịch vụ tài chính (dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính,...; tư vấn tài chính doanh nghiệp; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản; kinh doanh giấy tờ có giá; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (kinh doanh, mua bán vàng miếng)
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm

Trong năm 2018, Ngân hàng hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông giao. Thu thuần kinh doanh năm 2018 đạt ~ 19.537 tỷ, tăng 41% so với 2017. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 7.767 tỷ vượt 14% kế hoạch. Các chỉ tiêu đo lường hiệu quả như ROE ~ 19,41 %, ROA ~ 1,83% nằm trong TOP dẫn đầu các ngân hàng hoạt động hiệu quả.

| STT | CHỈ TIÊU | KH 2018 | KQ 2018 | SQ VỚI 2017 | SQ VỚI KH 2018 |
|-----|---------------------------|-----------|---------|-------------|----------------|
| 1 | Tổng tài sản | Tăng 11% | 362.325 | 115,4% | 104,2% |
| 2 | Vốn điều lệ | Tăng 19% | 21.605 | 119,0% | 100,0% |
| 3 | Huy động vốn dân cư, TCKT | Tăng 11% | 239.964 | 109,0% | 97,8% |
| 4 | Dư nợ cho vay KH | Tăng ~15% | 214.686 | 116,6% | 101,0% |
| 5 | Tỷ lệ nợ xấu | <1,5% | 1,33% | | |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 6.800 tỷ | 7.767 | 168,3% | 114,2% |
| | LNTT (riêng NH) | 6.500 tỷ | 7.030 | 131,3% | 108,2% |
| 7 | Tỷ lệ chi trả cổ tức (*) | ≥11% | ~11% | | |

Nguồn: BCTC riêng lẻ, BCTC hợp nhất 2018; Đơn vị: Tỷ đồng
(*) Tỷ lệ chi trả cổ tức không bao gồm cổ phiếu thưởng

Các chỉ tiêu của MBB có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với năm đầu triển khai Chiến lược: Lợi nhuận trước thuế hợp nhất MBB và các công ty thành viên đạt 7.767 tỷ đồng, tăng trưởng 68% so với năm 2017 (Trong đó, lợi nhuận trước thuế riêng ngân hàng đạt 7.030 tỷ đồng, tăng trưởng 31,3% so với năm 2017); ROE hợp nhất 19,4% (ROE riêng Ngân hàng đạt 18,73%). Năng suất lao động bình quân/người tăng 23% so với 2017. MBB hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 21.604 tỷ đồng; cổ phiếu MBB tiếp tục có tính thanh khoản cao và được các nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ.

MBB chú trọng phát triển, củng cố năng lực cán bộ nhân viên, tập trung cải tiến phương pháp đào tạo, ưu tiên đào tạo lực lượng bán hàng. Triển khai các giải pháp ứng dụng số hóa trong cung cấp dịch vụ và tác nghiệp nội bộ trong ngân hàng (CRM, BPM, M – Office, Smart RM...). Năng suất lao động tăng cao, chỉ số LNTT/người bình quân riêng ngân hàng đạt ~ 826 triệu/ người/năm (tăng 23% so với 2017).

Tăng trưởng lợi nhuận vững chắc nhờ NIM cải thiện và thu nhập phí dồi dào, cùng với dư địa lớn để cải thiện lợi suất tài sản. Việc chuyển hướng sang cho vay bán lẻ cải thiện NIM đáng kể. MBB đã tích cực chuyển đổi từ ngân hàng bán buôn sang ngân hàng bán lẻ với dư nợ cho vay cá nhân tăng trưởng kép 33,0% trong giai đoạn 2015 - 9T2018. Cho vay cá nhân chiếm 36,4% tổng dư nợ vào cuối 9T2018, thấp hơn so với trung bình 54,0% của các ngân hàng bán lẻ khác. Vì vậy, vẫn còn dư địa cho MBB mở rộng cho vay bán lẻ. Ngoài ra, công ty con về tài chính tiêu dùng mới thành lập là động lực khác để cải thiện NIM, nhờ các sản phẩm cho vay với lợi suất cao và nhu cầu cao do tỷ lệ thâm nhập trong mảng này còn thấp.

Chiến lược năng động đẩy mạnh thu nhập phí dịch vụ. Ước tính thu nhập phí sẽ đạt tăng trưởng kép 25,0% trong giai đoạn 2018-20 nhờ ngân hàng số, bancassurance và bán chéo sản phẩm thông qua mạng lưới đối tác. Các sản phẩm thẻ mới ra mắt là bước đi nhằm đẩy mạnh phí thanh toán.

Tuy nhiên, mảng bancassurance sẽ là động lực chính cho tăng trưởng thu nhập phí do MBB vừa bắt đầu phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ trong năm 2017.

Quản trị rủi ro thận trọng thể hiện qua bảng cân đối kế toán lành mạnh. MBB ứng dụng hiệu quả mô hình “3 vòng bảo vệ” vào hoạt động quản trị rủi ro. MBB cũng tích cực trích lập dự phòng và xóa nợ, do đó tỷ lệ tài sản có vấn đề thấp thứ 4 trong ngành vào cuối 9T2018 (chiếm 1,6% tổng dư nợ) và nguồn dự phòng lớn với tỷ lệ dự phòng/nợ xấu (LLR) đạt 106,0% vào cuối 9T2018.

Tỷ lệ NPL hợp nhất của MBB đến cuối 2018 ở mức 1,32% (trong đó NPL riêng ngân hàng là 1,21%), thấp hơn so với NPL toàn ngành (~ 2%). MBB thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ, tỷ lệ dự phòng /NPL luôn ở mức cao trên 80% và đạt 113% tại thời điểm 31/12/2018, giúp phòng ngừa và sẵn sàng nguồn tài chính để bù đắp các rủi ro phát sinh của khách hàng.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

| | ĐƠN VỊ TÍNH | NĂM 2017 | NĂM 2018 | % TĂNG/ GIẢM |
|--|---------------|-----------|-----------|--------------|
| CHỈ TIÊU CHUNG | | | | |
| Điểm giao dịch (bao gồm trụ sở chính)* | Số ĐGD | 286 | 300 | 14 ĐGD |
| Số cán bộ nhân viên (ngân hàng và công ty con) | Người | 13.094 | 15.233 | 2.139 người |
| CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Quy mô vốn | | | | |
| Vốn chủ sở hữu | tỷ đồng | 29.601 | 34.173 | |
| Trong đó: Vốn điều lệ | tỷ đồng | 18.155 | 21.605 | |
| Tổng tài sản | tỷ đồng | 313.878 | 362.325 | |
| Tỷ lệ an toàn Vốn CAR | % | 12,00% | 10,90% | |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Tiền gửi của TCKT và cá nhân | tỷ đồng | 220.176 | 239.964 | |
| Tổng dư nợ cho vay | tỷ đồng | 184.188 | 214.686 | |
| Doanh thu | tỷ đồng | 13.867 | 19.537 | |
| Thu nhập lãi thuần | tỷ đồng | 11.219 | 14.583 | |
| Lợi nhuận từ HĐKD trước dự phòng | tỷ đồng | 7.868 | 10.803 | |
| Chi phí hoạt động | tỷ đồng | -5.999 | -8.734 | |
| Chi phí dự phòng rủi ro | tỷ đồng | -3.252,11 | -3.035,39 | |
| Lợi nhuận trước thuế | tỷ đồng | 4.616 | 7.767 | |
| Lợi nhuận sau thuế | tỷ đồng | 3.490 | 6.190 | |
| Tỷ lệ nợ xấu | % | 1,20% | 1,33% | |
| ROE (LNST/VCSH bình quân) | % | 12,40% | 19,41% | |
| ROA (LNST/Tổng tài sản bình quân) | % | 1,22% | 1,83% | |
| EPS | Đồng/cổ phiếu | 1.504 | 2.829 | |
| 3. Khả năng thanh khoản | | | | |
| Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (>=10%) | % | 22% | 18,83% | |
| Tỷ lệ chi trả 30D VND (>=50%) | % | 82% | 79,64% | |
| Tỷ lệ chi trả 30D ngoại tệ (>=10%) | % | 96% | 242,73% | |

(*) Riêng ngân hàng

VNDIRECT ước tính lợi nhuận ròng đạt tăng trưởng kép (CAGR) 16,5% trong giai đoạn 2018-20, với thu nhập lãi thuần CAGR 16,3% nhờ 15,0% CAGR của dư nợ cho vay và NIM tăng 39 điểm cơ bản. Chúng tôi cũng dự báo CAGR của thu nhập phí đạt 25,0% và thu nhập ngoài lãi khác đạt 7,9% trong giai đoạn 2018-20. Chúng tôi dự phóng chi phí dự phòng sẽ giảm tốc với 9,8% CAGR trong giai đoạn 2018-20, so với 17,2% trong 2014-17, do kết thúc chu kỳ dự phòng.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 quý gần nhất

| Chỉ tiêu | Quý I 2019 | Quý II 2019 |
|----------------------------------|------------|-------------|
| Tổng tài sản | 383.219 | 402.264 |
| Tổng nợ | 347.088 | 366.738 |
| Vốn chủ sở hữu | 36.131 | 35.526 |
| Tổng doanh thu | 7.179 | 7.716 |
| Thu nhập lãi thuần | 4.135 | 4.395 |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 2.424 | 2.451 |
| Tổng lợi nhuận sau thuế | 1.933 | 1.998 |

(Nguồn: BCTC quý I, quý II 2019 của Ngân hàng Quân đội, đơn vị: tỷ VND)

3. Thời gian phân phối chứng quyền

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có hiệu lực.

4. Đăng ký mua chứng quyền

Sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán (ngày T0), VNDIRECT sẽ công bố bản cáo bạch, bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm trên website công ty tại ngày T+1 và bắt đầu nhận đăng ký mua chứng quyền của nhà đầu tư từ ngày T+2.

Các bước đăng ký mua, nộp cọc và thanh toán chi tiết như bên dưới:

- Ngày T+2: VNDIRECT tiếp nhận đăng ký mua chứng quyền đến 16h ngày T+2.

Phiếu đăng ký hợp lệ bao gồm:

- + Giấy Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm, CMND/Hộ chiếu.
- + Giấy Ủy quyền, CMND/Hộ chiếu người được ủy quyền (trường hợp ủy quyền).
- + Số lượng chứng quyền đăng ký tối thiểu: 1.000 chứng quyền.
- + Số lượng chứng quyền đăng ký tối đa: 100.000 chứng quyền.
- + Xác nhận nộp cọc.

Số tiền đặt cọc = Số lượng chứng quyền đăng ký * Giá chào bán * 10%

- Ngày T+2: Từ 18h VNDIRECT công bố kết quả phân phối dự kiến theo nguyên tắc nêu tại mục 4.1 và thông báo đến nhà đầu tư.
- Ngày T+3: Nhà đầu tư nộp bổ sung số tiền còn lại tương ứng theo kết quả phân bổ chứng quyền, thời hạn nộp tiền là 16h ngày T+3:

Số tiền cần nộp = Tổng giá trị chứng quyền được phân phối – Số tiền đã đặt cọc

- Ngày T+4: VNDIRECT thông báo kết quả đợt phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư và Ủy ban chứng khoán.

4.1. Xác định kết quả phân phối

Trường hợp số lượng chứng quyền đăng ký mua hợp lệ của nhà đầu tư vượt quá 80% số lượng chứng quyền VNDIRECT đăng ký chào bán. Kết quả phân phối được xác định theo nguyên tắc như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng chứng quyền nhà đầu tư được phân bổ} \\ \text{Số lượng chứng quyền phân phối sơ cấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng quyền từng nhà đầu tư đăng ký mua} \\ \text{Tổng lượng chứng quyền các nhà đầu tư đăng ký mua} \end{array} \times$$

Trường hợp số lượng chứng quyền nhà đầu tư được phân bổ theo công thức trên nhỏ hơn 10 chứng quyền, nhà đầu tư không được phân bổ.

Số lượng chứng quyền nhà đầu tư được phân bổ theo công thức trên sẽ được làm tròn đến hàng chục theo nguyên tắc làm tròn xuống. Ví dụ: Số lượng chứng quyền nhà đầu tư được phân bổ theo công thức trên là 255.766 chứng quyền, số lượng chứng quyền nhà đầu tư thực sự được phân bổ là 255.760 chứng quyền.

4.2. Giao dịch tiền cọc

Trường hợp nhà đầu tư được phân bổ lượng chứng quyền có giá trị thấp hơn giá trị nhà đầu tư đã đặt cọc, VNDIRECT sẽ trả lại phần tiền chênh lệch vào tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày VNDIRECT thông báo kết quả đợt phân phối chứng quyền tới nhà đầu tư.

Trường hợp số lượng chứng quyền nhà đầu tư được phân bổ nhỏ hơn 10 chứng quyền, nhà đầu tư không được phân bổ và sẽ được nhận lại toàn bộ tiền cọc trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày VNDIRECT thông báo kết quả đợt phân phối chứng quyền tới nhà đầu tư.

Trường hợp nhà đầu tư không thanh toán đủ phần tiền cần nộp bổ sung theo kết quả phân phối chứng quyền đúng hạn, nhà đầu tư bị phạt phần tiền cọc tương ứng 10% giá trị chứng quyền nhà đầu tư từ chối mua. Giá trị cọc nhà đầu tư bị phạt và số lượng chứng quyền thực tế nhà đầu tư được phân bổ chi tiết tại công thức bên dưới.

Số tiền cọc nhà đầu tư bị phạt = 10% x (Giá trị chứng quyền được phân bổ - Giá trị cọc đã nộp - Giá trị phần tiền nộp bổ sung)

Số chứng quyền nhà đầu tư được phân bổ = (Giá trị cọc đã nộp + Giá trị phần tiền nộp bổ sung - Phần tiền cọc bị phạt) / Giá chứng quyền chào bán.

Số lượng chứng quyền nhà đầu tư được phân bổ theo công thức sẽ được làm tròn đến hàng chục theo nguyên tắc làm tròn xuống.

Ví dụ: Chứng quyền chào bán tại giá 1.000 đồng, nhà đầu tư A đăng ký mua 100.000 chứng quyền và hoàn thành nộp cọc 10% giá trị đăng ký mua, tương đương 10.000.000 đồng.

Sau khi có kết quả phân phối, nhà đầu tư A được phân bổ 50.550 chứng quyền.

Tổng số tiền nhà đầu tư cần phải nộp: $50.550 \times 1.000 = 50.550.000$ đồng

Số tiền nhà đầu tư cần nộp bổ sung là: $50.550 \times 1.000 - 10.000.000 = 40.550.000$ đồng

Số tiền thực tế nhà đầu tư nộp bổ sung là: 10.000.000 đồng

Số tiền cọc mà nhà đầu tư bị phạt là: $10\% * (50.550.000 - 10.000.000 - 10.000.000) = 3.055.000$ đồng.

Số chứng quyền nhà đầu tư được phân bổ: $(10.000.000 + 10.000.000 - 3.055.000) / 1.000 = 16.945$ chứng quyền. Thực tế số chứng quyền nhà đầu tư được phân bổ là: 16.940 chứng quyền.

4.3. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền

Trong giai đoạn phân phối sơ cấp, VNDIRECT nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm trên mã chứng khoán cơ sở MBB từ nhà đầu tư và chuyển vào tài khoản ngân hàng của VNDIRECT đã đăng ký với Ủy ban chứng khoán nhà nước tại Giấy đăng ký chào bán chứng

quyền có bảo đảm: Tài khoản số 12211000003550 tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

5. Thực hiện chứng quyền

5.1. Trường hợp thanh toán bằng tiền

- Theo quy trình thanh toán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán quy định và quy định của pháp luật hiện hành
- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$.
- Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).
- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

5.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

- Trường hợp VNDIRECT bị mất khả năng thanh toán thì các nguồn sau sẽ được sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ của VNDIRECT đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm: Tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm có trên tài khoản tự doanh; Tài sản bảo đảm thanh toán đã được VNDIRECT ký quỹ tại ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm; Bảo lãnh thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm (nếu có). Trường hợp các nguồn trên không đủ để thanh toán, quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm sẽ được theo quy định pháp luật liên quan đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trường hợp VNDIRECT bị hợp nhất, sáp nhập thì sẽ áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp về hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.
- Trường hợp VNDIRECT bị giải thể, phá sản thì sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản doanh nghiệp.

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty phát hành.
- Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định pháp luật.
- Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp trong các quan hệ dân sự kinh tế theo quy định pháp luật.
- Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán thì các nguồn sau sẽ được sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu

chứng quyền có bảo đảm: Tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm có trên tài khoản tự doanh; Tài sản bảo đảm thanh toán đã được tổ chức phát hành ký quỹ tại ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm. Trường hợp các nguồn trên không đủ để thanh toán, quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
- Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, VNDIRECT công bố cách thức xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực, bao gồm căn cứ xác định các thông số tính toán giá thanh toán.
- Giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực trong trường hợp hủy niêm yết theo quy định tại điểm a, b, e Khoản 1 và Khoản 3 Điều 9 Thông tư 107/2016/TT-BTC được xác định theo công thức định giá Black-Scholes với các tham số được quy định như sau:

| Tham số | Cơ sở tính toán |
|------------------|---|
| Giá thực hiện | <ul style="list-style-type: none">- Giá thực hiện được nêu trong Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư 107/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.- Nếu tổ chức phát hành thực hiện điều chỉnh chứng quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 107/2016/TT-BTC trước ngày có quyết định hủy niêm yết, giá thực hiện sẽ được căn cứ theo thông tin đã được công bố theo mẫu NY-CW/SGDHCM-05 ban hành kèm theo Quy chế Niêm yết và Công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. |
| Giá giao ngay | <ul style="list-style-type: none">- Bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, không bao gồm ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền. |
| Tỷ lệ chuyển đổi | <ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ chuyển đổi được nêu trong Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư 107/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về |

| | |
|------------------------------------|--|
| | <p>việc hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu tổ chức phát hành thực hiện điều chỉnh chứng quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 107/2016/TT-BTC trước ngày có quyết định hủy niêm yết, tỷ lệ chuyển đổi sẽ được căn cứ theo thông tin đã được công bố theo mẫu NY-CW/SGDHCM-05 ban hành kèm theo Quy chế Niêm yết và Công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. |
| Độ biến động của chứng khoán cơ sở | <ul style="list-style-type: none"> - Độ lệch chuẩn của lợi suất ngày trong 500 ngày giao dịch gần nhất. - Hệ số nhân sử dụng tại giai đoạn tính giá chào bán sơ cấp: 1,5. - Độ biến động của chứng khoán cơ sở = Độ lệch chuẩn của lợi suất ngày trong 500 ngày giao dịch gần nhất nhân (x) 1,5. |
| Lãi suất phi rủi ro | <p>Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 15 năm tại thời điểm hủy niêm yết dựa trên kết quả đấu thầu đợt đấu thầu gần nhất tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (tham khảo tại https://hnx.vn/traiphieu/ket-qua-dau-thau.html).</p> |
| Thời gian đến ngày đáo hạn | <ul style="list-style-type: none"> - Ngày đáo hạn được nêu trong Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư 107/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm. - Thời gian đến ngày đáo hạn là số ngày từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền đến ngày đáo hạn. |

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

7. Điều chỉnh chứng quyền

- Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới...
- Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:
 - + Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
 - + Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

- + Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ × (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân.
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

8. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

Phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh căn cứ theo quy định tại phụ lục hướng dẫn giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán tại biểu giá ban hành kèm Thông tư 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán.

Thuế phát sinh căn cứ theo Công văn số 1468/BTC-CST của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm ngày 05/02/2018.

8.1. Về thuế thu nhập doanh nghiệp (đối với nhà đầu tư tổ chức)

8.1.1. Đối với doanh nghiệp trong nước:

- Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 7 và Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN, trường hợp trong kỳ tính thuế doanh nghiệp (bao gồm công ty chứng khoán phát hành chứng quyền và nhà đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam) có thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm (thu nhập từ hoạt động đầu tư kinh doanh, chào bán và thanh toán chứng quyền, hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của chứng quyền có bảo đảm) thì khoản thu nhập này doanh nghiệp phải kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.
- Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm và tài sản cơ sở cuối năm tài chính, doanh nghiệp không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

8.1.2. Đối với tổ chức nước ngoài sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp (nhà thầu nước ngoài)

- Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam thì nhà thầu nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế thu nhập cá nhân tại điểm 8.2 chương VI bản cáo bạch.

8.2. Về thuế thu nhập cá nhân (đối với nhà đầu tư cá nhân)

Thuế thu nhập cá nhân nhà đầu tư cần chi trả có sự khác biệt đáng kể khi lựa chọn chuyển nhượng chứng quyền trước khi đáo hạn hoặc giữ chứng quyền tới khi đáo hạn để thực hiện quyền. Nội dung chi tiết như bên dưới:

8.2.1. Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền:

- Do chứng quyền có bảo đảm được giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở nên khi chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền sẽ áp dụng thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%. Trong đó giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

8.2.2. Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết:

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Theo quy định tại điểm a, b, e Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm thì giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm là:

- Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc
- Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

Giá thanh toán của chứng quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là cổ phiếu của Công ty cổ phần sữa Việt Nam (VNM) với giá 1.400 VNĐ/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 10:1, giá thực hiện là 150.000 VNĐ.

- Nếu nhà đầu tư bán chứng quyền mua tại mức giá 2.000 VNĐ/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ VNĐ.
- Nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và tổ chức phát hành công bố giá thanh toán chứng quyền là 2.000 VNĐ/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ VNĐ.

8.2.3. Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Do hiện hành mới quy định thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền nên thời điểm phát sinh thu nhập là thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền. Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần. Trong đó, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở giao dịch chứng khoán công bố theo quy định tại điều 14 Thông tư số 107/2016/TT-BTC .

Ví dụ 2: Tương ứng các giả thiết tại Ví dụ 1 nêu trên, giá thanh toán của tài sản cơ sở (VNM) do Sở giao dịch chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 155.000 đồng/cổ phiếu.

Số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền là:

$$155.000 \times (100: 10) \times 0,1\% = 1.550 \text{ VNĐ}$$

9. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

9.1. Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.

Tổ chức phát hành khi tham gia đặt lệnh sẽ phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền.
- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá ở trên.
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán).
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

9.2. Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng khối lượng tối thiểu của lệnh, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;

- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền bán;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền bán;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện hoặc chứng quyền bán đang có giá chứng khoán cơ sở thấp hơn 30% so với giá thực hiện), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

1.1 Nguyên tắc quản trị rủi ro

- Các nguyên tắc và thực hành quản trị rủi ro là một phần không thể tách rời trong chiến lược hoạt động chung của Công ty và của tất cả các phòng ban
- Chính sách, quy trình quy định quản trị rủi ro phải được tuân thủ chặt chẽ
- Không có hoạt động kinh doanh nào được thực hiện khi hạn mức rủi ro chưa được xác định trước
- Trách nhiệm quản trị rủi ro phải rõ ràng trong mô tả công việc của từng nhân viên
- Công ty có những quy chế, quy định đảm bảo tạo điều kiện cho cán bộ quản trị rủi ro thực hiện công việc hiệu quả
- Chính sách rủi ro phải được thực hiện và rà soát, đánh giá thường xuyên, định kỳ sau khi được Hội đồng quản trị (HĐQT) phê duyệt thông qua đề xuất của Tổng giám đốc (TGD) ít nhất mỗi năm một lần hoặc khi có các sự kiện trọng yếu
- Chính sách rủi ro phải đảm bảo các rủi ro trọng yếu được phát hiện sớm và được kiểm soát đầy đủ và được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị
- Quản trị rủi ro phải cân nhắc mối tương quan giữa rủi ro và lợi nhuận kỳ vọng
- Ứng dụng nguyên tắc phân tán rủi ro, chuyển đổi hoặc san sẻ các rủi ro không được phép
- Đảm bảo tính độc lập của bộ phận quản trị rủi ro, báo cáo trực tiếp lên Ban lãnh đạo
- Đảm bảo tính liên tục, theo kịp thay đổi của thị trường
- Áp dụng cùng một tiêu chuẩn đồng nhất về quản trị rủi ro cho tất cả khách hàng

1.2 Trách nhiệm của các Bộ phận trong công tác quản trị rủi ro

Hội đồng quản trị:

- Các công việc chính của tiêu ban QTRR thuộc HĐQT:
 - Đóng vai trò chuyên trách so với HĐQT, trực tiếp tham gia vào việc hoạch định các chiến lược rủi ro, xây dựng chính sách, hạn mức rủi ro và hoạt động chức năng của quản trị rủi ro
 - Tiến hành rà soát và phê duyệt định kỳ hàng năm các chính sách, hạn mức rủi ro
 - Chỉ đạo và xử lý kịp thời các tồn đọng trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các hệ thống báo cáo liên quan đến hoạt động QTRR
 - Kiểm tra và đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và hiệu lực của bộ phận QTRR
 - Các cuộc họp của HĐQT với TGD/Bộ phận QTRR phải có biên bản

Tổng giám đốc:

- Thành lập bộ phận quản trị rủi ro hoạt động độc lập với các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khác. Việc miễn nhiệm, bổ nhiệm trưởng bộ phận QTRR của TGD phải có sự chấp thuận của HĐQT
- Xây dựng chính sách, tiêu chuẩn quản trị rủi ro và hạn mức rủi ro cùng các quy trình xử lý rủi ro phù hợp trình HĐQT phê duyệt
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc triển khai chính sách và hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt
- Định kỳ hàng quý phải báo cáo HĐQT việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro và quy trình quản trị rủi ro.
- Đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro phải được hiểu và vận hành thống nhất từ trên xuống dưới trong công ty phù hợp với chính sách và hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt
- Báo cáo HĐQT về trạng thái của các rủi ro trọng yếu

Bộ phận quản trị rủi ro:

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá, dự báo và đo lường các rủi ro của Công ty
- Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh
- Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cũng như hạn mức rủi ro và các quy trình xử lý rủi ro phát sinh cho TGD
- Đề xuất các hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ
- Xác định các rủi ro trọng yếu, đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thực tế thiệt hại phát sinh và thiệt hại dự báo
- Lập báo cáo quản trị rủi ro định kỳ hàng tháng, quý trình ban lãnh đạo, tham gia vào việc hỗ trợ ra quyết định của ban lãnh đạo.
- Trưởng bộ phận QTRR thực hiện theo dõi đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty

Các bộ phận nghiệp vụ:

- Đóng vai trò tiên quyết trong việc thực hiện triển khai chính sách và hạn mức rủi ro đã được phê duyệt bởi ban lãnh đạo
- Tuân thủ và thực hiện các công tác quản trị rủi ro hàng ngày

Kiểm toán nội bộ

- Có trách nhiệm thẩm định công tác quản trị rủi ro với các công việc chính:
 - Xác định khuôn khổ thẩm định

- Tổ chức công việc thẩm định
- Thiết lập quy trình thẩm định
- Xây dựng phương pháp thẩm định
- Báo cáo kết quả thẩm định

1.3 Các phương pháp xác định và đo lường rủi ro

1.3.1 Xác định rủi ro

- Xác định các rủi ro trọng yếu mà Công ty phải đối mặt: rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động và rủi ro pháp lý, rủi ro tập trung và các rủi ro phát sinh khác theo phân loại của Công ty
- Rà soát rủi ro theo thứ tự ưu tiên tương ứng với giá trị của tài sản hoặc nợ chịu tác động bởi một loại rủi ro cụ thể
- Xác định rủi ro tác động tới mỗi trạng thái rủi ro thông qua thống kê số liệu, lịch sử hoạt động và thảo luận giữa bộ phận QTRR và các bộ phận liên quan

1.3.2 Đo lường rủi ro

- Xác định mức độ rủi ro: giá trị tính ra bằng tiền nếu phát sinh tổn thất
- Xác định xác suất rủi ro có thể xảy ra
- Sử dụng giá trị Value at Risk để đo lường các rủi ro có thể định lượng: xác suất tổn thất có thể xảy ra trong một khung thời gian nhất định

2 Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

2.1 Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền

Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

- + Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- + Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- + Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có).

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

2.2 Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

2.2.1 Mục đích phòng ngừa rủi ro

Để đảm bảo khả năng thanh toán của TCPH cho người sở hữu chứng quyền tại ngày đáo hạn và hạn chế một các hiệu quả những tổn thất do các loại hình rủi ro gây ra.

2.2.2 Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:

2.2.2.1 Ban điều hành:

- Xác định hạn mức tối đa cho chi phí phòng ngừa rủi ro

- Chỉ đạo và xử lý kịp thời với những tình huống phát sinh tổn thất tài chính trong quá trình giao dịch chứng quyền có đảm bảo

2.2.2.2 Bộ phận kiểm soát nội bộ:

- Xây dựng quy trình thẩm định về các công tác quản trị rủi ro trong giao dịch chứng quyền có đảm bảo

2.2.2.3 Bộ phận quản trị rủi ro

- Thông tin nhân sự thuộc bộ phận quản lý rủi ro:

Họ & Tên: LÊ ĐẠI DƯƠNG

Chức vụ: Chuyên viên phòng Quản trị rủi ro tại VNDIRECT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chứng chỉ chuyên môn:

+Hoàn thành kì thi CFA level 2

+Hoàn thành kì thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ

Kinh nghiệm:

+2015 – 2018: Chuyên viên Quản lý danh mục đầu tư – Bộ phận Kinh doanh chứng khoán – Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT

+2015 – 2019: Phụ trách các công việc liên quan đến sản phẩm cấu trúc của VNDIRECT bao gồm: hợp đồng tương lai, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền có bảo đảm

- Nhận diện những rủi ro sẽ xảy ra, đo lường và đưa hạn mức phù hợp trong giao dịch chứng quyền có đảm bảo
- Xây dựng quy trình kiểm soát, phân tán rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng quyền có đảm bảo
- Đảm bảo đủ số lượng chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền đang lưu hành theo phương án phòng ngừa rủi ro
- Rà soát hiệu quả quy trình quản trị rủi ro định kỳ

2.3 Nguyên tắc thực hiện tổng quát

2.3.1 Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

Tổ chức phát hành thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền phát hành bằng cách mua hoặc bán chứng khoán cơ sở của chứng quyền để đảm bảo cho hệ số phòng ngừa rủi ro luôn tuân thủ quy định của UBCK và Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Ngoài ra tổ chức phát hành cũng thực hiện mua hoặc bán các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền (nếu có).

2.3.2 Vị thế phòng ngừa rủi ro

Tổ chức phát hành có thể định giá lý thuyết của chứng quyền mua theo công thức Black-Scholes đối với các chứng quyền kiểu Châu Âu với các giả định sau đây:

- C: Giá lý thuyết của chứng quyền mua
- $N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;
- X: Giá thực hiện của chứng quyền
- S: Giá chứng khoán cơ sở hiện tại
- D: lợi suất cổ tức
- T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn: là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền
- r_c : Lãi suất phi rủi ro
- σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở.

Hệ số phòng ngừa rủi ro được tổ chức phát hành tính theo công thức:

$$\text{Delta}_{\text{CALL}} = e^{-(D \times T)} \times N(d_1)$$

Trong đó:

- $\text{Delta}_{\text{CALL}}$: giá trị delta của chứng quyền Mua
- $N(d_1)$ là xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black-Scholes, và:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

$$N(d_1) = \text{NORDIST}(d_1)$$

$$N(d_2) = \text{NORDIST}(d_2)$$

Số lượng chứng khoán cơ sở lý thuyết để phòng ngừa rủi ro được tính theo công thức:

$$Q_U = \text{Delta}_{\text{CALL}} \times Q_{\text{CW}} / k$$

Trong đó:

- k: tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền của tổ chức phát hành
- $\text{Delta}_{\text{CALL}}$: giá trị delta của chứng quyền Mua
- Q_U : số lượng chứng khoán cơ sở quy đổi cần thiết cho phòng ngừa rủi ro
- Q_{CW} : số lượng chứng quyền cần thực hiện phòng ngừa rủi ro

$$Q_U = Q_S + K_{\text{CWO}} \times Q_{\text{CWO}}$$

Trong đó:

- Q_S : số lượng chứng khoán cơ sở
- Q_{CWO} : số lượng chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức khác

- Kcwo: tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức khác

Tổ chức phát hành đảm bảo số lượng chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro đảm bảo không ít hơn quá 20% của số lượng chứng khoán cơ sở lý thuyết được tính toán theo công thức trên.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Ngân hàng lưu ký

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV) CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Địa chỉ: số 74 Thọ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3941 1831

Fax: +84 24 3941 1823

Website: www.bidv.com.vn

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành

Không áp dụng

3. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 6288 3568

Fax: +84 24 6288 5678

Website: <https://www2.deloitte.com/vn>

4. Tổ chức tư vấn

Không áp dụng

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

- Chúng tôi cam kết đảm bảo quyền lợi của người sở hữu chứng quyền và thực hiện các biện pháp đảm bảo thanh toán theo nội dung bản cáo bạch này.
- Chúng tôi cam kết Ngân hàng TMCP Quân đội không phải người có liên quan của VNDIRECT đáp ứng theo quy định tại Điều 3, Khoản 3 Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 về hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.
- Chúng tôi cam kết Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành không phải là người có liên quan của VNDIRECT đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm 12 (c), Khoản 21, Điều 1 Nghị Định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015.
- Chúng tôi và các công ty con, chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động ngân hàng, đầu tư, môi giới, quản lý quỹ, bảo hiểm rủi ro, đầu tư và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/ hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/ hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.
- Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi và các công ty con, chi nhánh của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.
- Ngoài ra, chúng tôi không có các mối quan hệ khác với các bên cung cấp dịch vụ mà có khả năng gây ra xung đột lợi ích với việc phát hành chứng quyền. Các bên này bao gồm các bên tư vấn, kế toán, kiểm toán, luật, chuyên gia hoặc các bên khác cung cấp dịch vụ tư vấn.

X. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này. *M*

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2019

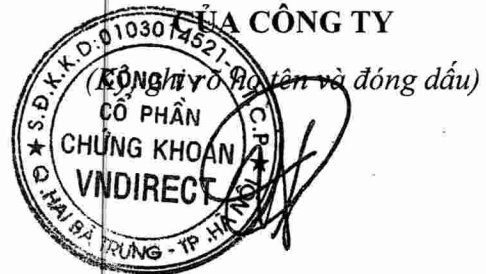
XÁC NHẬN CỦA *M*
NGÂN HÀNG LƯU KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Thu Cúc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Phạm Minh Hương

